

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	iii
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	1
3. Căn cứ pháp lý	2
4. Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm.....	4
5. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất 2023	6
6. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp	7
6.1. Tổ chức thực hiện	7
6.2. Sản phẩm giao nộp.....	7
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	8
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	8
1.1.1. Vị trí địa lý.....	8
1.1.2. Địa hình, địa mạo.....	9
1.1.3. Khí hậu.....	9
1.1.4. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	10
1.1.5. Tài nguyên nhân văn và các nguồn tài nguyên khác	12
1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội	19
1.2.1. Về lĩnh vực kinh tế.....	19
1.2.2. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội.....	20
1.2.3. Công tác phòng, chống dịch Covid-19	21
1.2.4. Về quốc phòng - an ninh.....	21
1.2.5. Công tác nội chính - xây dựng chính quyền	21
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	23
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	23
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	32
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	34
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	35
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	35
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	37
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất	37
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân	38

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	45
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	52
3.5. Diện tích đất cần thu hồi	52
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	53
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	54
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất.....	57
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	57
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường;	57
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;.....	58
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	59
4.4. Các giải pháp khác	62
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
KẾT LUẬN	64
KIẾN NGHỊ	64

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện	4
Bảng 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải	28
Bảng 3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải	29
Bảng 4. Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải	35
Bảng 5. Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	38
Bảng 6. Nhu cầu sử dụng đất an ninh trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	39
Bảng 7. Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	39
Bảng 8. Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	40
Bảng 9. Nhu cầu sử dụng đất giao thông trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	40
Bảng 10. Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	41
Bảng 11. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	41
Bảng 12. Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải trong Kế hoạch sử dụng đất 2023	42
Bảng 13. Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	42
Bảng 14. Nhu cầu sử dụng đất chợ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	42
Bảng 15. Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi giải trí công cộng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	43
Bảng 16. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	44
Bảng 17. Công trình đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023	44
Bảng 18. Công trình cho thuê đất trong năm 2023	44
Bảng 19. Dự kiến nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải	44
Bảng 20. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 so với hiện trạng năm 2022	45
Bảng 21. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải	52
Bảng 22. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	52
Bảng 23. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023, huyện Kiên Hải	53
Bảng 24. Dự kiến khoản thu, chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	57

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đất đai là tài sản hữu hạn, tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh đó, đất là điều kiện vật chất cần thiết để tồn tại và tái sản xuất các thế hệ tiếp nhau của loài người. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn, chính vì vậy việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải hoạch định kỹ càng và khoa học.

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013 tại Khoản 2, Điều 37 quy định “Kỳ kế hoạch cấp Quốc gia, cấp tỉnh và kỳ kế hoạch đất Quốc phòng, An ninh là 05 năm. Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và khoản 2, Điều 42 quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện”. Thực hiện Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”. Để có cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn, kịp thời phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện.

Thông qua công tác rà soát kế hoạch sử dụng đất, huyện sẽ đánh giá được tình hình thực hiện các dự án, việc chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn; từ đó đánh giá những kết quả đạt được, phát hiện những vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực hiện; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong những năm tới đạt kết quả.

Từ những lý do nêu trên, việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải là cần thiết và cấp bách.

2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022;
- Xác định nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành trong năm 2023 để đưa ra phương án kế hoạch sử dụng khả thi;
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính;
- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Tạo căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 của huyện;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện phải đảm bảo quy trình, quy phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai và Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Văn bản số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật đất đai;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Công văn số 1266/UBND-KT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 1344/STNMT-ĐĐ ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023;

- Công văn số 1553/STNMT-ĐĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về việc tổng hợp đăng ký danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Thông báo số 107/TB-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất cho Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

*** Cơ sở thông tin, dữ liệu**

- Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Kiên Hải 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Kiên Hải;

- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

- Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2021 huyện Kiên Hải;

- Nhu cầu sử dụng đất và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2023 của huyện;

- Các tài liệu bản đồ và các dự án liên quan trên địa bàn huyện.

4. Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các nội dung chính sau:

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa;
- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ được xác định, được xác định bổ sung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

Bảng 1. Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	x	0	x
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	0	x
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>x</i>	<i>0</i>	<i>x</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0	x	0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	x	0	x
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	0	x
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	0	x
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	x	0	x
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>x</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x	0
1.8	Đất làm muối	LMU	0	x	0
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	x	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	x	0	0
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	x	0	0
2.2	Đất an ninh	CAN	x	0	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	x	0	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	x	0	0
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	x	0	x
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	x	0	x
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	x	0	x

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0	x	0
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	x	x	0
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	x	x	0
-	Đất thủy lợi	DTL	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	x	x	0
-	Đất công trình năng lượng	DNL	x	x	0
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	x	x	0
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	x	0	0
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	x	0	0
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	x	0	x
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	x	0	0
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	x	0	x
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0	x	0
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	x	0	x
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0	x	0
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0	x	0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	x	0	x
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	x	0	0
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	x	0	x
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	x	0	x
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	x	0	0
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0	x	0
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	x	0
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0	x	0
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	x	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	X	0	0
II	Khu chức năng*				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	x	0	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
2	Đất khu kinh tế	KKT	x	0	0
3	Đất đô thị	KDT	x	0	0
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	x	x	0
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	x	x	0
6	Khu du lịch	KDL	x	0	0
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	x	0	0
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	x	0	0
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	x	0	0
10	Khu thương mại, dịch vụ	KTM	x	x	0
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	0	x	0
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	x	x	0
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	0	x	0

Trong đó:

x: được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung.

0: không được phân bổ, không được xác định, không được xác định bổ sung.

*: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đáp ứng nhu cầu của huyện.

- Xác định diện tích đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng.

- Xây dựng bản đồ Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Giải pháp thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

5. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất 2023

- Phương pháp tiếp cận từ trên xuống: nắm bắt các chủ trương, chính sách và chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ từ cấp tỉnh cho huyện; tiếp cận từ dưới lên: làm việc với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất, các phòng, ban, các xã để thu thập các nhu cầu và khả năng sử dụng đất, từ đó cân đối phương án sử dụng đất các đơn vị trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Phương pháp Điều tra:

+ Điều tra sơ cấp: Điều tra, thu thập nhu cầu chuyển mục đích của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân: phối hợp với UBND các xã, cán bộ địa chính để hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình cá nhân đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.

+ Điều tra thứ cấp: làm việc với các phòng, ban, ngành của huyện, UBND các xã để nắm bắt nhu cầu sử dụng đất của các đơn vị.

- Phương pháp bản đồ: xác định vị trí, tọa độ, quy mô diện tích của các công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất để khoanh vẽ, xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến của nhà quản lý, các cơ quan chuyên môn, các chuyên gia, ... trong quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Phương pháp thống kê: để xử lý các số liệu và dự báo về kinh tế, xã hội, tình hình sử dụng đất.

6. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp

6.1. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan chủ quản đầu tư: UBND huyện Kiên Hải
- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban và UBND cấp xã.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2022

6.2. Sản phẩm giao nộp

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải (kèm theo Quyết định phê duyệt): 15 bộ
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023: 15 bộ
- Đĩa CD lưu trữ dữ liệu: 1 đĩa

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Kiên Hải là một trong hai huyện đảo, nằm trong vùng biển Tây Nam của tỉnh Kiên Giang. Vị trí địa lý có tọa độ từ 9⁰37' đến 9⁰58' vĩ độ Bắc, từ 104⁰25' đến 104⁰40' kinh độ Đông. Trung tâm hành chính huyện Kiên Hải cách thành phố Rạch Giá khoảng 30km đường biển, tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp vùng biển huyện Kiên Lương và huyện Hòn Đất;
- Phía Tây giáp vùng biển Phú Quốc;
- Phía Đông giáp vùng biển thành phố Rạch Giá;
- Phía Nam giáp vùng biển huyện An Biên và huyện An Minh.

Ngày 29/3/1983 Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập huyện Kiên Hải thuộc tỉnh Kiên Giang. Huyện Kiên Hải có 06 xã: Hòn Tre, An Sơn, Lại Sơn, Hòn Nghê, Hải Sơn và Tiên Hải. Với tổng số đảo nổi là 73 hòn đảo (lấy ngày thành lập huyện là 12/4/1983). Đến năm 2000, sau khi chia lại địa giới hành chính huyện Kiên Hải còn lại 03 xã: Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn với 23 hòn đảo lớn nhỏ. Đến ngày 26/7/2005 Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2005/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Rạch Giá thuộc tỉnh Kiên Giang, Điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập xã thuộc các huyện Gò Quao, An Minh, Châu Thành, Kiên Hải và Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; theo đó xã An Sơn chia tách thành 02 xã An Sơn và Nam Du. Từ cuối năm 2005 đến nay, huyện Kiên Hải có 04 đơn vị hành chính là xã: Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du.

Xã Hòn Tre (hay còn gọi là Hòn Rùa) là xã đảo gần đất liền nhất, từ thành phố Rạch Giá đến Hòn Tre chỉ có 28 km về hướng Tây, diện tích 481,85 ha. Xã có 03 ấp: ấp I, ấp II, ấp III. Dân số trên 4.000 dân. Là trung tâm hành chính của huyện Kiên Hải.

Xã Lại Sơn (còn gọi là Hòn Sơn hay Hòn Sơn Rái) là xã lớn nhất, diện tích 1.087,05 ha, cách Hòn Tre khoảng 30 km về phía Tây, cách thành phố Rạch Giá khoảng 60 km. Xã có 04 ấp: Bãi Nhà A, Bãi Nhà B, Thiên Tuế, Bãi Bắc. Dân số khoảng 8.000 dân. Xã được Tỉnh công nhận là khu du lịch địa phương và đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2018.

Xã An Sơn cách Rạch Giá 90 km, cách xã Lại Sơn 30 km về phía Tây Nam. Xã có 03 ấp: Ấp Cù Tron, An Cư và Bãi Ngự, có tổng cộng 11 đảo lớn nhỏ. Trung tâm hành chính đặt tại hòn Cù Tron, diện tích 708,61 ha, dân số trên 4.000 dân.

Xã Nam Du cách xã An Sơn khoảng 07 km. Có 03 ấp: Ấp An Bình, An Phú và Hòn Mấu, có tổng cộng 10 đảo lớn nhỏ. Trung tâm hành chính đặt tại đảo Hòn Ngang. Diện tích 197,40 ha, dân số có trên 4.000 dân.

Năm 2020, tổng diện tích tự nhiên huyện Kiên Hải là 2.474,91 ha, được chia thành 04 đơn vị hành chính trực thuộc. Dân số toàn huyện đến năm 2020 là 17.591 người, mật độ dân số 714,84 người/km².

Huyện có vị trí ngư trường rất thuận lợi về khai thác đánh bắt và chế biến hải sản, vùng ven các đảo có thể phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao. Trên các đảo có rừng tự nhiên, cảnh quan phong phú, các nguồn lợi thủy sản từ biển là tiềm năng và cơ hội giúp Kiên Hải phát triển trong tương lai.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Kiên Hải có dạng địa hình chủ yếu là biển và đồi núi, địa hình cao nhất là Hòn Sơn có bình độ 405m trung bình so với mực nước biển. Còn lại có địa hình cao trung bình từ 100 - 300m so với mặt nước biển. Độ sâu trung bình là 45m, mực nước biển sâu nhất là 80m.

Phần lớn núi của huyện Kiên Hải có trên 70% là đá gốc, đá lộ, đá nổi, nhưng hầu hết là đá xuất xứ từ hoạt động Macma, chỉ một phần nhỏ là đá vôi và đá trầm tích, không có phù sa, lớp phủ bì rất mỏng. Trong số 23 hòn đảo nổi lớn nhỏ, có 11 đảo có dân cư sinh sống; trong đó có 05 đảo có dân cư sống tập trung đông nhất là: Hòn Tre (xã Hòn Tre); Hòn Sơn Rái (xã Lại Sơn); Hòn Cù Tron (xã An Sơn); Hòn Ngang và Hòn Mấu (xã Nam Du).

Với địa hình của huyện như trên, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất thủy sản và du lịch. Tuy nhiên, cũng gây rất nhiều khó khăn cho việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhất là phát triển giao thông đường bộ và đường thủy.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Kiên Hải nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, mang đặc tính chung của khu vực Tây Nam bộ, do đó khí hậu của huyện có đặc điểm quanh năm nóng ẩm, lượng mưa phong phú và có sự phân hóa rõ rệt theo mùa cụ thể:

- **Nhiệt độ:** trung bình năm 27,6⁰C, nhiệt độ cao tuyệt đối khoảng 36,0⁰C và nhiệt độ thấp tuyệt đối khoảng 19,8⁰C.

- **Chế độ nắng:** số giờ nắng trong năm khá cao khoảng 2.225,5 giờ/năm, tổng tích ôn trung bình hàng năm từ 9.800 - 10.000⁰C.

- **Chế độ mưa:** trong năm hình thành hai mùa, mưa và khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa cả năm khoảng 2.800mm/năm, lượng mưa mùa khô chỉ đạt không quá 250 mm.

- **Độ ẩm không khí:** bình quân cả năm từ 76 - 88%, mùa khô từ 76 - 80%, mùa mưa từ 83 - 88% tháng 9 - 10 có độ ẩm cao nhất và có độ ẩm thấp nhất vào tháng 4.

- **Lượng bốc hơi:** bình quân hàng năm là 1.200 - 1.300 mm/năm, lượng bốc hơi trong mùa khô và mùa mưa là tương đối bằng nhau.

- **Chế độ gió:** huyện Kiên Hải chịu ảnh hưởng của hướng gió thịnh hành tương ứng với mùa khô và mùa mưa trong năm. Vào mùa khô hướng gió thịnh hành là thiên Bắc hoặc thiên Đông, Bắc Đông Bắc và Đông. Vào mùa mưa hướng gió thịnh hành là Tây Nam hoặc Tây, trong đó chủ yếu là hướng gió Tây Nam.

- Các hiện tượng thiên nhiên khác:

+ **Đông:** trung bình hàng năm từ 25 - 30 ngày, Đông xuất hiện ở tỉnh Kiên Giang nói chung và huyện Kiên Hải nói riêng nhiều hơn so với các tỉnh khác trong vùng biển Tây Nam Bộ. Đông thường kèm theo mưa rào và gió mạnh, đôi khi có kèm theo mưa đá rất nguy hiểm cho người, nhà cửa và tàu thuyền đánh bắt xa bờ.

+ **Bão:** vùng biển Kiên Hải nói riêng và tỉnh Kiên Giang nói chung rất ít khi xảy ra bão và áp thấp nhiệt đới so với vùng biển miền Trung và miền Bắc. Tuy nhiên, việc xuất hiện cơn bão số 5 vào tháng 11/1997 có gió mạnh và lốc xoáy khá nguy hiểm đã

làm thiệt hại người và tài sản rất lớn cho nhà nước và nhân dân, vì vậy sự cần thiết phải có các giải pháp phòng chống lụt bão cho ghe tàu đánh bắt và vận chuyển trên biển.

+ **Triều cường:** do biển ven bờ huyện rất cạn nên sóng biển chủ yếu là sóng gió, trong đó các sóng theo hướng Tây Nam - Tây Bắc ngoài khơi chỉ xuất hiện vào mùa mưa, gây ảnh hưởng trực tiếp đến bờ biển gây xói mòn ven các đảo.

** Nhận xét chung về đặc điểm khí hậu, thời tiết:*

Qua những yếu tố về điều kiện địa hình và khí hậu thời tiết trên cho thấy huyện Kiên Hải có nhiều thuận lợi tương đối thuận lợi cho sự tăng trưởng sinh vật trên các đảo, thích nghi cho nhiều loại cây trồng và vật nuôi sinh trưởng tốt. Tuy nhiên do có chế độ mưa phân bố theo mùa và biến động thất thường nên cũng gây trở ngại cho đời sống và sản xuất của nhân dân trong huyện.

1.1.4. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.1.4.1. Tài nguyên đất

Trên địa bàn huyện các loại đất được chia thành 02 nhóm như sau:

- Nhóm đất cát: hình thành ở chân sườn núi, chủ yếu do quá trình phong hóa, rửa trôi mạnh và bồi lắng.

- Nhóm Feralit đỏ vàng: hình thành ở sườn núi.

Cụ thể từng đảo như sau:

Hòn Tre: Thành phần đá gốc là loại Macma granite xâm nhập, hạt nhỏ, mịn bị bào mòn mạnh và rửa trôi, đặc trưng của đất là cát và cát pha vàng nhạt đến vàng nâu và nâu vàng, Laterit mạnh đá nổi chiếm 70%.

Quần đảo Nam Du (An Sơn): Thành phần đá gốc là loại Macma phun xuất đá Gress Gabro Silic, đặc trưng của đá là lớp đá kiến tạo uốn nếp nứt vỡ sắc cạnh, đặc trưng của đất là tầng đất nông và bị bào mòn mạnh đá nổi chiếm tới 80% bề mặt.

Hòn Lại Sơn: Thành phần đá gốc là loại Macma granite xâm nhập, hạt nhỏ. Mịn bị bào mòn mạnh và rửa trôi, đặc trưng của đất là cát và cát pha vàng nhạt đến vàng nâu và nâu vàng, đá nổi chiếm 70%.

1.1.4.2. Tài nguyên nước

a) Nguồn nước

Nguồn nước ngọt của huyện được cung cấp chủ yếu là nước mưa, với lượng mưa trung bình hàng năm khá lớn khoảng 2.800 mm, đây là nguồn nước chính và quan trọng cho sinh hoạt của nhân dân và các sinh vật trên đảo. Trong những năm gần đây tình trạng cạn kiệt nguồn nước ngọt đang diễn ra trên tất cả các đảo.

*** Nước mặt**

Diện tích mặt nước của huyện năm 2020 là 1,5 ha, không có chênh lệch so với năm 2019, chủ yếu là suối. Hiện nay, dân cư trong huyện chủ yếu sử dụng nước mưa hoặc nước dẫn bằng đường ống từ suối về, một số hộ dân sử dụng nước giếng đào, giếng khoan.

*** Nguồn nước ngầm**

Theo tài liệu điều tra mực nước ngầm của Trung tâm y tế dự phòng và kết quả khoan tìm kiếm nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt của chương trình nước nông thôn tỉnh

Kiên Giang vào năm 2000 thì kết quả thăm dò ở Hòn Tre và Lại Sơn cho thấy cấu tạo địa tầng như sau:

+ Lớp 1: cát bột lẫn sét màu vàng, cuối lớp lẫn dăm đá gốc.

+ Lớp 2: đá xâm nhập Granit - Granosyenit, Biotit hạt trung, màu hồng; đôi khi có kiến trúc Porphyr yếu, đá nứt nẻ tốt, khả năng chứa nước trung bình. Nhìn chung chất lượng nước đạt các yêu cầu lý hóa phục vụ sinh hoạt.

*** Nước biển**

Độ mặn trung bình của nước biển là 31g/l, độ mặn hai mùa tương đối ổn định trên 30%, chất lượng nước vùng hải đảo huyện Kiên Hải rất tốt, độ trong cao (5,9 m vào mùa mưa và 5,5m vào mùa khô). PH có tính kiềm (pH=8 vào mùa khô và 8,2 vào mùa mưa). Oxy hòa tan đạt 5,1mg/l vào mùa khô và 4,6 mg/l vào mùa mưa. Đạm đạt từ 0,31 mg/l vào mùa khô và 0,16 mg/l vào mùa mưa.

Nhìn chung chất lượng nước biển của vùng biển Kiên Giang nói chung và huyện Kiên Hải nói riêng rất tốt, thuận lợi cho việc nuôi trồng hải sản trên biển như: Nuôi trai lấy ngọc, cá lồng, ốc hương, bào ngư, rong biển,... Độ pH, độ mặn và tổng lượng chất lơ lửng (TSS) khá ổn định và thích hợp cho sự phát triển các loài thủy sản.

1.1.4.3. Tài nguyên rừng

Huyện Kiên Hải là một huyện có diện tích rừng lớn so với diện tích toàn huyện (chiếm 52,11% diện tích tự nhiên) có đặc trưng là rừng nhiệt đới với các loài thân gỗ có giá trị như: dầu, sao,... Rừng phòng hộ của Kiên Hải có chức năng khoanh nuôi, bảo vệ thảm thực vật, được sử dụng chủ yếu để bảo vệ đất và sản xuất, chống xói lở, chắn sóng, gió, lấn biển và hạn chế thiên tai. Rừng của huyện Kiên Hải còn nằm trong khu dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới vào ngày 27/10/2006, có vai trò quan trọng trong điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái toàn khu vực trước tác động của biến đổi khí hậu đang diễn ra, do vậy cần được bảo vệ và ổn định lâu dài. Ngoài ra, có các loại cây ăn trái như: xoài, mít, dứa,... thay thế một phần rừng tự nhiên nhưng vẫn có tác dụng cân bằng sinh thái, có vai trò như rừng phòng hộ và bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, gần đây rừng bị tác động mạnh do khai thác, những loài cây gỗ quý ngày càng cạn kiệt, rừng hiện có phần lớn là rừng nghèo, rừng trung bình ít, chỉ còn tập trung ở khu vực địa hình núi hiểm trở ở Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du.

Do tình trạng rửa trôi và bào mòn mạnh nên tầng đất mặt mỏng, nghèo dinh dưỡng và tro đá gốc trên sườn núi đảo, đất không còn tập trung ở diện tích đáng kể, do đó khó khăn cho việc triển khai trồng rừng tập trung. Là huyện đảo do vậy việc trồng và bảo vệ rừng là nhiệm vụ rất quan trọng cần được quan tâm.

1.1.4.4. Tài nguyên biển

Tại vùng biển Phú Quốc - Kiên Hải đã xác định được 131 loài tảo (103 loài tảo Silic, 21 loài tảo giáp, 6 loài tảo tam và 01 loài tảo mắt), 71 loài động vật nổi và 81 loài động vật đáy (26 loài thuộc lớp giun nhiều tơ, 25 loài giáp xác, 23 loại thuộc ngành thân mềm, 8 loài thuộc ngành da gai và 01 loài thuộc ngành cá đáy).

Qua điều tra nguồn lợi thủy sản cho thấy vùng biển Phú Quốc – Kiên Hải có xuất hiện loài trai quý có khả năng tạo ngọc như trai môi vàng. Thế mạnh của vùng biển hải

đảo là phát triển nghề nuôi thủy sản theo khu vực quanh các đảo nổi với các đối tượng như: ngọc trai, cá biển (nuôi lồng, đò mò, bào ngư, hải sâm,...)

Kiên Hải là một trong những huyện đảo với ngư trường rộng lớn nên có thể phát triển việc khai thác hải sản, chế biến nước mắm, nuôi cá lồng trên biển. Trữ lượng thủy hải sản vùng biển Kiên Hải - Phú Quốc khá lớn, số lượng phương tiện khai thác xa bờ tăng từ 314 chiếc lên 369 chiếc, khai thác gần bờ giảm từ 1.004 chiếc xuống còn 921 chiếc giai đoạn 2016 - 2020. Hiện nay, nuôi trồng hải sản mới phát triển chưa ngang tầm với tiềm năng và thế mạnh của huyện.

Với sự chỉ đạo của cấp Ủy, UBND các cấp và các ngành có liên quan về khai thác hải sản như (chủ trương ưu đãi thuế, vốn đầu tư, khuyến ngư...) từ đó đã thúc đẩy phát triển kinh tế chung của huyện Kiên Hải.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, thì khai thác hải sản cũng gặp không ít khó khăn, ngư trường gần bờ ngày càng cạn kiệt, phương tiện đánh bắt công suất nhỏ thường bị thua lỗ, hiệu quả kinh tế chưa cao.

1.1.4.5. Tài nguyên khoáng sản

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp khoáng sản tỉnh Kiên Giang đến năm 2010, do Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam, Cục Địa chất và Khoáng sản thuộc Bộ Công Nghiệp thực hiện năm 1998, tại huyện Kiên Hải có một số tài nguyên khoáng sản như sau:

- + Vàng, bạc hiện có tại quần đảo Nam Du và Hòn Mấu
- + Mỏ ilmenit hiện có tại đảo Hòn Tre
- + Mỏ granit có ở Hòn Tre, trữ lượng khoảng 30 triệu m³
- + Đá cuội sỏi đỏ có ở Hòn Mấu, trữ lượng khoảng 450.000 m³

Về xác định trữ lượng hiện nay đang tiến hành khảo sát để xác định trữ lượng từng loại khoáng sản cụ thể.

1.1.5. Tài nguyên nhân văn và các nguồn tài nguyên khác

a) Tài nguyên nhân văn

- Di tích lịch sử - văn hóa đình thần Nam Hải Đại Tướng Quân hay còn gọi là Lăng Ông Nam Hải Đại Tướng Quân tọa lạc cạnh bãi Thiên Tuế thuộc ấp Thiên Tuế, xã Lại Sơn trên trục đường chính chạy quanh đảo, cách cầu tàu Bãi Nhà của xã đảo Lại Sơn khoảng hơn 01 km. Tại đây lưu giữ bộ xương Cá Ông (Cá Voi), thể hiện sự kính trọng của người dân với vị thần phù hộ cho họ trên biển cả và là nét đẹp trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của người dân nơi đây. Hàng năm tại đây sẽ tổ chức lễ hội Nghinh Ông - lễ hội lớn nhất trong năm của ngư dân bản địa, mang ý nghĩa tinh thần to lớn nhằm cầu mong mưa thuận gió hòa, trời yên, biển lặng, ngư dân đi biển thuận lợi, đánh bắt bội thu,... Đồng thời là nét văn hóa đặc sắc gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng dân cư ở huyện đảo Kiên Hải.

- Lễ cúng Miếu Bà Chúa Xứ Cù Tron diễn ra với quy mô nhỏ chỉ có phần lễ, không có phần hội nhưng hàng năm vẫn thu hút đông đảo du khách tham dự. Các nghi thức của lễ cúng diễn ra rất long trọng trong bầu không khí tâm linh cùng sự thành kính của người dân Cù Tron và các đảo lân cận.

- Lễ Nghinh Ông Nam Hải (Hòn Máu) là dịp để du khách có thể chiêm ngưỡng khung cảnh hàng trăm chiếc thuyền rục rờ cờ hoa diễu hành quanh đảo trong nghi thức rước Ông của buổi lễ này. Đây là một trong những nét đẹp văn hóa tín ngưỡng của người dân xứ đảo, thu hút nhiều khách du lịch đến tìm hiểu và khám phá.

Trong các di tích và công trình văn hoá tại Kiên Hải chỉ có Dinh thờ cá Ông tại Hòn Tre và Lăng ông Nam Hải tại Hòn Sơn là thu hút đông du khách và nhận được sự quan tâm của các doanh nghiệp lữ hành. Các di tích và công trình văn hoá còn lại chủ yếu phục vụ nhu cầu đời sống tâm linh cho người dân tại các xã đảo.

b) Tài nguyên du lịch

Huyện Kiên Hải có vị trí tiếp giáp với nhiều địa điểm tạo và phân phát du khách quan trọng ở vùng tứ giác Long Xuyên (thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên), biển Tây Nam (đảo Phú Quốc) và vùng Bán đảo Cà Mau (mũi Cà Mau); sở hữu nguồn tài nguyên tự nhiên và văn hóa đa dạng; hệ thống giao thông quanh đảo, ngang đảo đã được đầu tư xây dựng (Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn); có cầu cảng (Lại Sơn, An Sơn, bến nghiêng Hòn Tre) và lưới điện quốc gia (Hòn Tre, Lại Sơn); sự quan tâm đối với ngành du lịch của chính quyền và người dân địa phương tạo thế và lực để Kiên Hải thu hút nhiều du khách trong thời gian qua.

Kiên Hải được tạo hóa ban tặng vẻ đẹp hội tụ của nhiều yếu tố, vùng miền vừa hoang sơ, bí ẩn như những khu rừng nguyên sinh của núi đồi Tây Nguyên, lại có những bãi biển đẹp như Nha Trang hay Phan Thiết. Ngoài ra, Kiên Hải còn có những điểm du lịch phảng phất nét tâm linh như Đỉnh Ma Thiên Lãnh, Miếu Bà Chúa Xứ,... Tất cả tạo nên sức hút mãnh liệt khó cưỡng với những ai đặt chân đến nơi đây. Bên cạnh đó, du khách sẽ có cơ hội trải nghiệm đa dạng các loại hình du lịch như nghỉ dưỡng, sinh thái, vườn đồi, leo núi, cắm trại dã ngoại, thưởng thức và mua về những món ngon, đặc sản như các loại các loại hải sản tươi, cá khô, nước mắm Hòn Sơn, trái cây các loại,... Những sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện Kiên Hải gồm có:

- Sản phẩm du lịch sinh thái gắn với tài nguyên du lịch biển, đảo

So với nhiều địa phương khác trong vùng biển Tây Nam, thiên nhiên ưu đãi cho Kiên Hải nhiều cảnh quan đẹp để phát triển du lịch sinh thái biển đảo. Huyện Kiên Hải có 23 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó nhiều đảo chưa có đông dân cư sinh sống nên vẫn giữ được nét sơ khai, kỳ bí như thuở ban đầu. Năm 2006, huyện Kiên Hải được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Đây chính là điểm mạnh để thu hút du khách đến tham quan và khám phá.

Nếu đảo Phú Quốc được ví như viên ngọc trên vùng biển Tây Nam của Tổ quốc thì quần đảo Nam Du – huyện Kiên Hải là viên ngọc tiềm ẩn thứ hai đang dần tỏa sáng nơi vùng biển này và được ví như “Hạ Long phương Nam” ẩn chứa bao điều kỳ diệu, hấp dẫn du khách. Quần đảo Nam Du bao gồm 21 hòn đảo trải dài trên địa bàn hai xã An Sơn và xã Nam Du nơi có rất nhiều bãi biển đẹp, cảnh quan thiên nhiên còn nguyên sơ. Bên cạnh những điểm du lịch nổi tiếng như Bãi Cây Mến, Bãi Sỏi, Bãi Ngự, Hòn Máu, Hòn Dầu, Hòn Ngang, du khách có thể khám phá vẻ đẹp của những điểm đến khác như Bãi Đá Đen, Bãi Đá Trắng với nhiều loại đá đẹp nằm dọc theo bãi biển, Bãi Mến Nhỏ, Bãi Nhum với nhiều địa điểm chụp hình lý tưởng hay thuê thuyền dạo vòng quanh xã đảo An Sơn để khám phá vẻ đẹp hoang sơ, yên bình của Hòn Ông, Hòn Nhạn, Hòn Hàng. Một vài cảnh quan du lịch nổi bật của đảo Nam Du gồm có:

+ Hòn Máu là một trong những hòn đảo đẹp nhất của Nam Du với những bãi biển có tên gọi khá đặc biệt được đặt theo tên của những loại gió thổi theo các mùa trong năm như: Bãi Chướng, Bãi Bắc, Bãi Nồm và Bãi Nam. Đến Hòn Máu, du khách sẽ có những trải nghiệm thú vị khi rong ruổi khắp các xóm chài để tìm hiểu dân sinh hay tổ chức các tiệc nướng hải sản ngoài trời trên các mỏm đá ven biển.

+ Hòn Dầu với đặc trưng là những cánh rừng nguyên sinh bao phủ gần 90% diện tích, những bờ cát trải dài cùng rặng dừa cao vút, những rạn san hô tuyệt đẹp gần bờ ... chính là điểm nhấn có sức hút mãnh liệt với du khách, đặc biệt là những bạn trẻ năng động, yêu thích khám phá, mạo hiểm. Đây là một nơi vô cùng thích hợp để tổ chức du lịch sinh thái, dã ngoại, cắm trại và các trò chơi ngoài trời.

+ Hòn Bờ Đập có hình dáng khá đặc biệt bao gồm hai phần và được nối với nhau bằng một dãy đá tự nhiên, trông giống như con đập. Trên đảo chỉ có duy nhất một nhà dân và vài bè nuôi cá do vậy nơi đây gần như vẫn giữ được vẻ đẹp hoang sơ vốn có. Đến với hòn đảo nhỏ này, du khách có thể tận hưởng không gian yên bình, lặn biển ngắm san hô, thăm lồng bè, nuôi cá bóp, cá mú và thưởng thức các món hải sản tự mình bắt được.

+ Bãi Bắc (Hòn Ngang) là một bãi biển nhỏ nằm tách biệt hoàn toàn với các khu dân cư sinh sống và có rất ít ngư dân sinh sống. Đây là nơi thích hợp để du khách trải nghiệm cuộc sống của một ngư dân thực thụ, tìm hiểu các kiểu đánh bắt hải sản và cảm nhận sự tĩnh lặng gần như tuyệt đối về đêm ở nơi hải đảo xa xôi.

- Trung tâm hành chính của huyện Kiên Hải đặt tại xã Hòn Tre - nơi có những cảnh đẹp thu hút khách du lịch như: Bãi Chén, Động Dừa, Đuôi Hà Bá, Lãng cá Ông, Đá Đài,...

+ Nằm ở phía Tây của xã đảo Hòn Tre, Bãi Chén nổi bật với những tảng đá khổng lồ hình tròn cùng vô vàn gành đá xếp chồng lên nhau, tạo nên một bức tranh thiên nhiên ngoạn mục, kỳ vĩ và đậm nét hoang sơ. Du khách sẽ có cơ hội trải nghiệm nhiều hoạt động dã ngoại như câu cá hoặc tham gia các trò chơi ngoài trời; thưởng thức các loại hải sản tươi ngon trong đó nổi tiếng nhất là cá Mặt Quý (hay còn gọi là cá Mang Éch).

+ Động Dừa là một vịnh nhỏ dày đặc các tảng đá, nhiều tảng xếp chồng lên nhau tạo thành các ngách hang nhỏ. Đặc biệt, trong các ngách hang ấy là nơi tìm thấy những chum gốm cổ dạng gốm Sa Huỳnh mang dấu ấn của nền văn minh cổ xưa. Đây chính là điểm du lịch sinh thái biển đảo vô cùng hấp dẫn đối với các bạn trẻ thích loại hình du lịch khám phá.

+ Đuôi Hà Bá hay còn được người dân địa phương gọi là Bãi Dừa vì nơi đây có nhiều cây dừa gai, là một mũi đá nằm ở phía Nam, cuối đảo kéo dài từ trên cao xuống tới mặt biển, trong xa tựa như đuôi rùa. Đuôi Hà Bá có nhiều dòng chảy xiết nguy hiểm, rất ít tàu đánh bắt qua khu vực này. Tuy nhiên đây chính là điểm thu hút khách du lịch đặc biệt là các bạn trẻ ưa mạo hiểm và khám phá.

+ Không chỉ là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của người dân địa phương trên đảo Lãng cá Ông còn là điểm tham quan của nhiều du khách gần xa. Trong Lãng cá Ông có đặt thờ một bộ xương cá voi dài đến 9,5m, rộng 3,5m.

+ Đá Đài là tảng đá lớn, bằng phẳng, nằm ở độ cao khoảng 200m so với mực nước biển. Để lên được Đá Đài, du khách sẽ phải băng qua con dốc uốn lượn quanh triền núi với những vườn trái cây xanh mướt. Từ đây phóng tầm mắt ra xa, bạn sẽ ngắm được

toàn cảnh cầu cảng Hòn Tre, những khu dân cư nằm xem trong tán cây rừng xanh ngắt một màu, những cung đường uốn lượn quanh đảo tuyệt đẹp và toàn cảnh khu lấn biển.

- Sẽ thật thiếu sót nếu không nhắc đến xã đảo Lại Sơn trong hành trình du lịch huyện Kiên Hải. Lại Sơn nổi tiếng với những bãi biển nên thơ như Bãi Nhà, Bãi Bàng, Bãi Bắc, Bãi Giếng, Bãi Đá Chài,... và những đỉnh núi kỳ bí như đỉnh Ma Thiên Lãnh, đỉnh Ông Rồng, đỉnh Đền Thơ,...

+ Ma Thiên Lãnh là một trong bảy ngọn núi của xã đảo Lại Sơn với độ cao khoảng hơn 400m so với mặt nước biển. Không chỉ có cảnh quan hùng vĩ với mây mờ quanh năm che phủ mà đây còn là nơi chứa đựng nhiều câu chuyện huyền ảo về các nàng tiên cá, các vị đạo sĩ được lưu truyền đến tận ngày nay.

+ Đỉnh Đền Thơ, nơi vua Gia Long đã từng khắc lên đá núi một bài thơ cách đây hơn 200 năm. Đến đây, du khách có thể thấy được toàn cảnh của Hòn Sơn với một bên là núi non trập trùng, một bên là biển cả và những ngôi nhà phía xa xa.

+ Đỉnh Yên Ngựa là điểm cao nhất của tuyến đường xuyên đảo Lại Sơn. Cung đường lên đỉnh Yên Ngựa gây ấn tượng mạnh với du khách bởi rất quanh co, khúc khuỷu và phải băng qua những triền núi xanh biếc trập trùng. Đứng trên đỉnh núi, du khách có thể ngắm nhìn bao quát những bãi biển tuyệt đẹp thấp thoáng sau rặng dừa nghiêng bóng ở phía xa xa.

+ Bãi Nhà là khu vực có đông dân cư sinh sống nhất trên xã Lại Sơn đồng thời cũng là nơi đặt trung tâm hành chính của xã. Cầu cảng nơi đây luôn tấp nập tàu thuyền ra vào mua bán. Từ cầu cảng, du khách có thể nhìn thấy Lăng Ông Nam Hải ẩn hiện trong tán cây rừng, đỉnh Yên Ngựa mờ ảo trong sương mù buổi sớm, cung đường chính dọc Bãi Nhà đầy thơ mộng với những rặng dừa cao vút cuối bãi. Đặc biệt, nơi này có một số cơ sở nước mắm cá cơm rất nổi tiếng với thương hiệu “Nước mắm Hòn”.

+ Bãi Bàng được du khách và người dân địa phương ưu ái gọi là bãi biển đẹp nhất của xã đảo Lại Sơn. Nơi đây vừa có nước biển trong xanh và gió mát lồng lộng từ khơi xa thổi vào, lại có bờ cát trắng phẳng lì được bao phủ bởi những rặng dừa nghiêng nghiêng trong nắng. Tất cả tạo nên vẻ đẹp tự nhiên, thanh thoát và đầy chất thơ.

+ Từ con đường xuyên đảo, sau khi vượt qua đỉnh Yên Ngựa, du khách sẽ nhìn thấy một vùng đất bạt ngàn màu xanh của dừa, những căn nhà ẩn hiện dưới tán lá xanh biêng biếc,... Qua khỏi dốc núi, Bãi Bắc hiện ra với con đường ven biển đầy nắng gió, với cuộc sống thanh bình của người dân xứ biển.

+ Bãi Thiên Tuế là bãi biển đẹp được rất nhiều du khách lựa chọn trong chuyến hành trình khám phá biển đảo Kiên Hải. Bãi Thiên Tuế nổi bật với khu dân cư bao bọc xung quanh tạo thành một vòng cung ngoạn mục và kết thúc bằng khoảng rừng xa thẳm hứa hẹn là điểm dừng chân lý tưởng cho du khách.

+ Không thua kém bãi Thiên Tuế, bãi Giếng cũng là một trong những bãi biển đẹp của Lại Sơn. Tại đây, du khách có thể hòa mình vào cuộc sống thôn dã của xóm chài, tìm hiểu nét văn hóa của cư dân địa phương và thưởng thức những món hải sản vô cùng tươi ngon hấp dẫn.

+ Bãi Đá Chài nổi bật với nhiều tảng đá phẳng nối tiếp nhau trải dài ra tận mép biển. Một lần đến bãi Đá Chài đón ánh hoàng hôn đang dần buông trên bờ biển, du khách sẽ vô cùng choáng ngợp trước không gian thiên nhiên diệu kỳ mà tạo hóa đã ban tặng cho nơi đây.

Cuối cùng, khi du lịch đến huyện Kiên Hải, du khách không thể bỏ qua những cảnh đẹp tại xã đảo An Sơn như Bãi Cây Mến, Bãi Ngự, Bãi Sỏi, Bãi Đất Đỏ, Đài Rada, Ba Hòn Nôm.

+ Bãi Ngự nằm ở phía Tây của Hòn Cù Tron. Tương truyền rằng trên đường sang Xiêm, vua Gia Long đã ở lại nơi này một thời gian và cho đào một cái giếng để lấy nước ngọt cung cấp cho quân lính và người dân trong vùng. Chính vì vậy, mà nơi đây có tên là Bãi Ngự và giếng nước ngọt kia được gọi là Giếng Vua. Ngày nay, giếng nước này chính là nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trong vùng.

+ Ba Hòn Nôm là một cụm đảo nhỏ bao gồm Hòn Trong, Hòn Giữa và Hòn Ngoài. Nơi này có rất ít dân cư sinh sống nên vẫn giữ được nét hoang sơ vốn có. Chính vì vậy nên đây là địa điểm lý tưởng để tổ chức các hoạt động đầy lý thú như lặn biển, chèo thuyền, câu cá, cắm trại và đặc biệt là phù hợp với những nhóm bạn du lịch phượt.

+ Đài Rada còn được các cư dân địa phương và du khách gọi là Hải Đăng Nam Du, tọa lạc trên đỉnh Hòn Cù Tron với độ cao so với mực nước biển khoảng hơn 300 m. Tại đây, du khách có thể ngắm bao quát gần như toàn bộ trời biển tuyệt đẹp của Hòn Cù Tron và có được những bức ảnh lưu niệm quý giá.

Có thể nói, tài nguyên du lịch biển đảo của Kiên Hải rất đa dạng, phong phú là thế mạnh để huyện phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, các sản phẩm du lịch sinh thái gắn với tài nguyên du lịch biển, đảo của Kiên Hải hiện vẫn còn hoang sơ, chủ yếu khai thác dựa vào tự nhiên là chính, chưa được đầu tư nhiều nên hàm lượng chất xám trong sản phẩm du lịch là chưa cao, làm ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, nhất là khía cạnh phát triển bền vững.

- Sản phẩm du lịch gắn với các vườn cây ăn trái

Ngoài ra, Kiên Hải còn thu hút khách du lịch bởi các vườn trái cây trĩu quả, xanh mát phân bố chủ yếu tại xã Hòn Tre và Lại Sơn. Vườn cây trái tại xã Hòn Tre gồm mít, măng cầu, hồng quân, thanh long, nhãn, xoài hòn, bơ và hồ tiêu. Khu vực này diện tích vườn xoài có quy mô chiếm phần lớn, tạo nên một không gian vô cùng mát mẻ, dễ chịu khi du khách đặt chân tới đây vào những mùa cây có trái. Các vườn cây ăn trái tại Hòn Tre chủ yếu được người dân hái trái chín mang ra chợ bán cho người dân địa phương và du khách, chưa được các đơn vị lữ hành và các nhà vườn đưa ra phối hợp tham quan. Ngoài ra, khu vực xã Lại Sơn cũng có diện tích vườn xoài và cây ăn trái; dọc theo đường lên đỉnh núi Ma Thiên Lãnh có một số quán giải khát của người dân trong thời gian qua cũng đã thu hoạch và bán nước dừa và xoài cho du khách vào mùa cây ra trái. Loại hình tham quan vườn cây ăn trái, bên cạnh việc kết hợp khai thác các loại hình du lịch biển đảo sẽ là một trong những hướng cần được nghiên cứu, phối hợp giữa các ban ngành trong tỉnh và địa phương để Hòn Tre, Lại Sơn có thể phát triển nhằm đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch của 02 khu vực này.

- Sản phẩm du lịch gắn liền với các di tích lịch sử, các công trình văn hóa và danh lam thắng cảnh

Kiên Hải còn có nhiều sản phẩm du lịch gắn liền với các di tích lịch sử, các công trình văn hóa và danh lam thắng cảnh nổi bật như: Dinh thờ cá Ông, miếu Bà Chúa Xứ (Hòn Tre); miếu Bà Cô Chủ, Di tích Lăng ông Nam Hải (Hòn Sơn). Những nơi này hầu hết là nơi gửi gắm tâm linh của người dân địa phương cầu mong sự che chở, phù hộ cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đặc biệt là cho những chuyến ra khơi bình an và thuận lợi.

- Sản phẩm du lịch làng nghề

Ngoài các sản phẩm du lịch nêu trên, huyện Kiên Hải có 3 sản phẩm du lịch làng nghề gắn với biển đảo đã và đang khai thác du lịch, đó là: tham quan các lồng bè nuôi cá; nghề sản xuất nước mắm tại Hòn Sơn và nghề đánh bắt thủy sản tại khu vực Quần đảo Nam Du và Hòn Tre. Hiện tại chỉ có loại hình tham quan các lồng bè nuôi cá tại khu vực xã Nam Du, An Sơn là sản phẩm du lịch được các đơn vị kinh doanh du lịch vẫn đang khai thác mạnh mẽ, nhận được sự yêu thích, quan tâm của du khách. Đây là khu vực nuôi trồng chủ yếu một số loại cá như: cá bống mú và cá bớp có quy mô lớn, với rất nhiều nhà bè và các phương tiện hỗ trợ tạo thành như một làng nổi sinh hoạt trên biển nhộn nhịp, đông đúc. Đây là làng nghề đã hình thành tại khu vực xã Nam Du rất lâu đời, hoạt động sản xuất và đời sống thường ngày của làng cá bè tại đây từ lâu đã trở thành một nét văn hoá để du khách tìm hiểu, khám phá và đồng thời cũng là chủ đề cho các nghệ sĩ nhiếp ảnh sáng tác từ nhiều góc độ. Ngoài ra, tại khu vực xã Lại Sơn cũng có các nhà bè nuôi cá mú và cá bớp, tuy quy mô không bằng xã Nam Du nhưng cũng trải dài cả khu vực Bãi Bằng tạo thành một khung cảnh rất đẹp và thơ mộng cho du khách tham quan.

Bên cạnh các làng bè, Kiên Hải còn có làng nghề truyền thống chế biến nước mắm tại xã Lại Sơn thu hút khách du lịch. Nguyên liệu chính để sản xuất ra nước mắm Hòn của xã là cá cơm than được ủ theo công thức truyền thống, hoàn toàn nguyên chất và không thêm bất kì chất phụ gia nào khác. Hiện nay, nghề chế biến nước mắm tại xã Lại Sơn đã được công nhận là nghề truyền thống của tỉnh Kiên Giang. Du khách có thể đến các nhà thùng tập trung tại bãi Nhà để tham quan, trải nghiệm và có thể mua nước mắm chất lượng tốt nhất. Nghề sản xuất nước mắm Hòn Sơn vang danh một thời nhưng hiện nay đang đứng trước nguy cơ bị mai một, vì nguồn nguyên liệu cá cơm khan hiếm dẫn đến toàn xã Hòn Sơn chỉ có 2 nhà thùng còn hoạt động sản xuất cầm chừng, còn lại tất cả các nhà thùng đều đóng cửa ngừng hoạt động nhưng hiện nay địa phương và tỉnh Kiên Giang vẫn chưa có giải pháp nào nhằm bảo vệ nghề sản xuất nước mắm nổi tiếng của tỉnh.

Ngoài ra, du khách có thể thăm làng chài lưới ghe ở Hòn Mấu, Nam Du cách Lăng Ông Nam Hải khoảng hơn 200m để trải nghiệm nghề chài lưới vốn là sinh kế bao đời nay của người dân làng chài.

- Sản phẩm du lịch ẩm thực

Là một huyện đảo nên nguồn hải sản dồi dào, phong phú với các loài tôm, cua, ghe, nhum, hào, ốc, mực, các loài cá... để chế biến thành những món đặc sản mang hương vị quê hương biển đảo Kiên Hải. Ngành du lịch huyện Kiên Hải phát triển như hiện nay có phần đóng góp của du lịch ẩm thực bởi hương vị tươi sống của hải sản, cùng với giá cả hợp lý là một trong những lý do chính để Kiên Hải được nhiều du khách biết đến như hiện nay. Bên cạnh đó, Kiên Hải còn có một số món ăn đặc biệt như hàu đá chiên bột, tôm tít luộc nước dừa, ốc cùi nướng chao và trộn gói, nhộng ve chiên bột, cá xanh xương nướng bẹ chuối... rất đặc trưng. Tuy nhiên, hiện tại trên toàn huyện hầu hết là các quán ăn bình dân do người dân kinh doanh theo phong cách gia đình là chủ yếu, chưa có các nhà hàng với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp và đội ngũ đầu bếp có tay nghề cao, đặc biệt là chưa có các quán ăn hay nhà hàng chuyên phục vụ ăn uống cho khách du lịch quốc tế. Chính vì thế, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; chất lượng món ăn và chất lượng phục vụ là vấn đề thời gian sắp tới ngành du lịch Kiên Hải cần phải cải thiện.

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

a) Thuận lợi

Kiên Hải được thiên nhiên ưu đãi, với vẻ đẹp hoang sơ, kỳ bí, ẩn chứa giá trị nguyên sinh của rừng, bãi biển sạch đẹp, môi trường trong lành và vẻ đẹp hội tụ của nhiều yếu tố vùng, miền được nhiều người biết đến, thu hút du khách đến tham quan, trải nghiệm, khám phá. Huyện Kiên Hải có hải phận rộng lớn, rất thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản... Kiên Hải có nhiều đảo với nhiều bãi biển đẹp, hoang sơ, cát trắng, nước trong xanh như: Bãi Bàng, Bãi Bắc, Bãi Thiên Tuế, Bãi Giếng của xã Lại Sơn; Bãi Cây Mến, Bãi Đất Đỏ, Bãi Ngự của xã An Sơn; Bãi Hòn Mấu, Hòn Dầu của xã Nam Du, cùng với nhiều loài hải sản phong phú, môi trường trong lành và con người thân thiện... là tiềm năng lớn để phát triển du lịch biển theo hướng du lịch sinh thái. Lại Sơn và Quần đảo Nam Du cũng được tỉnh công nhận là khu du lịch địa phương là tiền đề để du lịch Kiên Hải ngày càng phát triển tương xứng với tiềm năng lợi thế của huyện.

b) Khó khăn

Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên biển và ven biển ở nhiều nơi còn lãng phí, kém hiệu quả, đặc biệt về khai thác, sử dụng đất ven bờ biển, mặt nước biển ven bờ. Việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ tài nguyên biển, bảo tồn môi trường sinh thái biển và vùng bờ còn nhiều hạn chế. Khai thác tiềm năng nguồn lợi thủy sản chưa hiệu quả cao, thiếu bền vững, chưa kiểm soát được hạn mức cấp phép khai thác hải sản cho từng vùng biển dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt dần hải sản ở vùng ven bờ. Các hệ sinh thái ven bờ biển (rừng ngập mặn, vùng triều, rạn san hô...) có xu hướng suy giảm nghiêm trọng do tác động của hoạt động kinh tế, xây dựng.

Tình trạng ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ, vùng cửa sông, vũng, vịnh do hoạt động kinh tế và đời sống (sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản, hoạt động cảng biển, nước thải từ đô thị ven biển,...) xảy ra ở nhiều nơi chưa giải quyết được. Việc thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng chưa đồng bộ, hiệu quả hạn chế.

Địa hình huyện đảo chia cắt, xa đất liền, các đảo nằm độc lập, cách trở cho việc đi lại giữa các xã trong huyện; giữa huyện, xã với đất liền và mất nhiều thời gian. Việc lập một số quy hoạch chuyên ngành chậm so với yêu cầu như: Lập bản đồ địa chính, quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nuôi trồng thủy sản...

Từ khi du lịch Kiên Hải phát triển đến nay, nhất là quần đảo Nam Du, Lại Sơn được công nhận khu du lịch địa phương thì du khách nhiều nơi đến, nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đến xin dự án đầu tư, mua đất, thuê đất đầu tư làm du lịch dẫn đến giá đất tăng cao, gây áp lực, tạo thêm khó khăn trong quản lý đất đai, xây dựng trên địa bàn huyện. Mặt khác, phần lớn diện tích huyện Kiên Hải là núi đá và rừng phòng hộ nên việc chọn nơi đổ, xử lý rác thải rất nan giải, tình trạng ô nhiễm môi trường là vấn đề bức xúc của huyện đảo. Huyện Kiên Hải có đất rừng phòng hộ chiếm 52,11% diện tích tự nhiên của huyện, nhưng quy hoạch đất rừng còn nhiều bất cập, gây khó khăn trong việc mời gọi thu hút đầu tư và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Tình trạng bao chiếm, lấn chiếm đất rừng, đất công, xây dựng trái phép diễn ra ở một số nơi trên đảo khá phức tạp.

(Nguồn: Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch huyện Kiên Hải đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải)

1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

1.2.1. Về lĩnh vực kinh tế

Qua 6 tháng đầu năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Kiên Hải đạt một số kết quả như sau:

Tình hình kinh tế - xã hội cơ bản ổn định và phục hồi phát triển. Có 3/7 chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt và vượt so với kế hoạch (trên 50%)¹; 4/7 chỉ tiêu đạt dưới 50%², Cụ thể:

- Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu 1.754,994 tỷ đồng, đạt 45,14% kế hoạch, bằng 89,53% so với cùng kỳ (theo giá so sánh 2010); giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản 1.119,402 tỷ đồng, đạt 45,17% kế hoạch, bằng 89,69% so với cùng kỳ;

- Hiện nay, toàn huyện có 1.076 phương tiện khai thác với tổng công suất 138.434CV (giảm 133 phương tiện so với cuối năm 2021); trong 6 tháng đầu năm ước sản lượng khai thác hải sản 20.914 tấn, đạt 41,83% kế hoạch, bằng 85,05% so với cùng kỳ, giá trị sản xuất khai thác hải sản 1.042 tỷ đồng, đạt 45,13% kế hoạch, bằng 90,94% so với cùng kỳ; ước sản lượng nuôi trồng thủy sản xuất bán 422 tấn, đạt 42,18% kế hoạch, bằng 81,94% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất 77,844 tỷ đồng, đạt 45,71% kế hoạch, bằng 75,74% so với cùng kỳ.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng 630,18 tỷ đồng (giá so sánh 2010) đạt 45,26% kế hoạch, bằng 88,22% so với cùng kỳ. Giá trị khối lượng hoàn thành các công trình XDCB ước đạt 23,104 tỷ đồng, đạt 46,04% kế hoạch, vốn giải ngân 20,562 tỷ đồng, đạt 40,97% kế hoạch; chỉ đạo các ngành chuyên môn thông qua báo cáo đề xuất bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 1.442 tỷ đồng (giá thực tế), đạt 53,74% kế hoạch, tăng 10,74% so với cùng kỳ. Du lịch đang phục hồi và phát triển, có 156.077 lượt khách tham quan du lịch, đạt 90,74% kế hoạch, tăng 25,88% so với cùng kỳ, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống 245,961 tỷ đồng, đạt 71,92% kế hoạch, tăng 5,98% so với cùng kỳ.

- Thu ngân sách 10,422 tỷ đồng, đạt 130,28% kế hoạch. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội 465,235 tỷ đồng, đạt 50,03% kế hoạch, bằng 99,54% so với cùng kỳ; chi ngân sách 103,607 tỷ đồng, đạt 44,55% kế hoạch³; Tổ chức tổng kết cuộc tổng điều tra kinh tế và điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn huyện.

- Tập trung chỉ đạo công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn các xã; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, từ đầu năm đến nay đã cấp mới được 02 giấy với tổng diện tích 0,689ha, nâng tổng số giấy đã cấp

¹ (1) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, du lịch; (2) Tổng thu ngân sách; (3) Huy động đầu tư toàn xã hội

² (1) Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu; (2) Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản; (3) Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng; (4) Chi ngân sách.

³ Chi thường xuyên 83,045 tỷ đồng, đạt 45,54%; chi XDCB 20,562 tỷ đồng, đạt 40,97%.

lên 4.053 giấy với tổng tổng diện tích 446,413ha⁴; công tác kê khai đăng ký cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm chỉ đạo, đến nay có 3.899/6.969 hồ sơ, đạt 55,95%⁵; đến nay đã cấp đổi 31 giấy với tổng diện tích 105,051ha;

- Chỉ đạo các lực lượng phối hợp tuần tra, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy, chống chặt phá rừng được 57 cuộc, có 238 lượt người tham gia, không phát sinh trường hợp vi phạm mới; tổ chức tập huấn, tuyên truyền được 09 cuộc, có 241 lượt người tham dự. Thực hiện rà soát, quản lý nguồn nước ngọt tại các xã đảo. Phát quang cây xanh, vệ sinh môi trường trên các tuyến đường quanh đảo, chỉ đạo thực hiện tốt mô hình “chống rác thải nhựa” trên địa bàn.

- Tăng cường các giải pháp huy động nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, đến nay có 2/4 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 2/4 xã đạt từ 17 đến 19 tiêu chí⁶; tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn, đến nay có 14 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao và 11 sản phẩm công nghiệp tiêu biểu cấp tỉnh.

1.2.2. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Chỉ đạo các trường nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến đảm bảo học trực tiếp; huy động học sinh đến trường được 3.352/3.465 học sinh, tỷ lệ 96,73%; tổ chức ôn tập và kiểm tra cuối học kỳ năm học 2021-2022; làm việc với đoàn kiểm tra Phổ cập giáo dục tiểu học của Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả huyện đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; thăm định sáng kiến kinh nghiệm các trường trong năm học, vận động hỗ trợ từ các chương trình học đường được 135,2 triệu đồng⁷.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế; đảm bảo vệ sinh môi trường; xử lý rác thải lây nhiễm tại khu thu dung điều trị Covid-19; khám và điều trị bệnh cho 10.591 lượt người; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại 195 cơ sở, phát hiện 03 cơ sở vi phạm về ATTP, tiêu hủy 11kg thực phẩm hết hạn sử dụng; kịp thời điều trị 59 ca bệnh⁸.

- Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; tổ chức thăm và tặng 314 suất quà cho các đối tượng⁹ nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2022 với tổng số tiền 206.900.000đ; trợ cấp cho 505 đối tượng với số tiền 1.691.130.000đ; cất 01 căn nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách trị giá 70.000.000đ. Giới thiệu việc làm cho 284 lao động, đạt 71% (NQ 400 lao động); mở 05 lớp đào tạo nghề có 168 học viên, đạt 61,13% (NQ 60,08%); tổ chức lễ viếng Đài tưởng niệm liệt sĩ nhân dịp Lễ 30/4; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại xã Lại Sơn, đã thu hồi 2.250.000đ do chi sai chế độ.

- Công tác thu chi BHYT, BHXH được quan tâm, đã thu 4.339.000.000đ, chi cho 45 đối tượng với số tiền 1.020.658.000đ, cấp 579 thẻ bảo hiểm y tế cho người lao động

⁴ Đất ở 3.037 giấy, diện tích 35,695 đất nông nghiệp 1.016 giấy, diện tích 410,718 ha.

⁵ Cấp lần đầu 1.553/1.300 hồ sơ, cấp đổi 2.346/5.669 hồ sơ

⁶ Xã Hòn Tre và Lại Sơn đạt chuẩn nông thôn mới; xã An Sơn cơ bản đạt 19/19 tiêu chí; xã Nam Du đạt 17/19 tiêu chí.

⁷ Chương trình “ Sóng và máy tính cho em”, hỗ trợ 25 máy tính bảng cho học sinh nghèo chưa có thiết bị học trực tuyến trị giá 63 triệu đồng; chương trình tiếp sức người thầy ngành giáo dục vận động CBGV hỗ trợ cho đoàn viên bị bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền 72.200.000 đồng.

⁸ 36 ca sốt xuất huyết; 01 ca lỵ amip; 05 ca tay chân miệng; 14 ca tiêu chảy; 03 lỵ trực tràng

⁹ Chính sách, lực lượng vũ trang, người có công với cách mạng, 40 tuổi Đảng, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

(cấp mới 336 thẻ, cấp lại 243 thẻ); nâng tổng số thẻ đã cấp lên 20.681 thẻ, có 100% người dân xã đảo được gia hạn thẻ BHYT.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kịp thời thông tin các chương trình, chuyên mục về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương; kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ, du lịch trên địa bàn xã Lại Sơn và An Sơn được 18 hộ kinh doanh; sửa chữa, thay mới các pano, băng gol tuyên truyền trên trục đường chính huyện¹⁰; tổ chức thành công Đại hội thể dục, thể thao lần thứ VII huyện Kiên Hải¹¹. Thực hiện 1.354 tin bài, duy trì tốt các chuyên mục hàng tuần.

1.2.3. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Chỉ đạo theo dõi chặt chẽ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 06/5/2022 có 1.483/1.483 ca F0 được điều trị khỏi bệnh, đạt 100%, đến nay chưa có trường hợp mắc bệnh Covid-19; tổ chức tiêm ngừa vắc xin phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo kịp thời; hỗ trợ tiền ăn 5.325 trường hợp (FO), (F1) với tổng số tiền 4.756.120.000đ; tiếp tục đề nghị sở Y tế cấp bổ sung thêm 38 ca F1 số tiền 41.440.000đ để chi trả theo quy định.

1.2.4. Về quốc phòng - an ninh

- Các lực lượng duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu từ huyện đến cơ sở; phối hợp tổ chức tuần tra được 480 cuộc, có 2.918 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia; triển khai thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết; tổ chức tốt công tác tuyên quân năm 2022 đạt 100% chỉ tiêu trên giao; triển khai kế hoạch tổ chức Lễ xuất quân các hoạt động “Tết Quân - Dân” năm 2023 tại xã An Sơn, chỉ đạo khảo sát phần việc “Tết Quân - Dân” năm 2024 xã Lại Sơn.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 13 vụ, 18 tên (giảm 03 vụ, 07 tên so với cùng kỳ); tội phạm ma túy 02 vụ, 03 tên (giảm 03 vụ, 03 tên so với cùng kỳ); các lực lượng phối hợp, tổ chức tuần tra, kiểm soát trật tự an toàn xã hội và an toàn giao thông được 1.028 cuộc, có 5.000 lượt đồng chí tham gia; kiểm tra 799 phương tiện, phát hiện lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính 170 trường hợp trong lĩnh vực an ninh trật tự và an toàn giao thông với số tiền 167.300.000 đồng đã tạm giữ 33 phương tiện, 13 giấy đăng ký xe, nhắc nhở, cam kết 189 trường hợp vi phạm. Thành lập Tổ công tác thực hiện Đề án 06 của huyện, triển khai thực hiện, cụ thể hóa các văn bản về việc triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

1.2.5. Công tác nội chính - xây dựng chính quyền

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo Luật định. Tổ chức tiếp công dân được 16 cuộc, có 16 người; tiếp nhận 04 đơn

¹⁰ Sửa chữa 51,5mô panô, 01 công chào, cắt bỏ 09 panô và làm mới 01 cụm panô 30m tại bến Nghiêng, 18 panô tại công viên

¹¹ Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2022, Đại hội Thể dục thể thao cấp cơ sở, Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện lần thứ VII năm 2021-2022, hội nghị sơ kết và tổng kết rút kinh nghiệm 04 năm hoạt động khu du lịch địa phương tại xã Lại Sơn; đề nghị công nhận lại “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” 05 năm (2017-2021) trên địa bàn huyện.

thuộc thẩm quyền, kết quả đã giải quyết 01 đơn, còn 03 đơn đã chỉ đạo ngành chuyên môn xem xét giải quyết. Triển khai 02 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 01 cuộc đột xuất.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm, đã tuyên truyền được 34 cuộc, có 1.526 lượt người tham dự; đã hòa giải thành 18/20 vụ, việc, đạt 90%; phối hợp với Trung tâm trợ giúp lý tình tổ chức tư vấn pháp luật tại xã Lại Sơn, An Sơn và Nam Du cho 115 người, với 124 vụ, việc.

- Thực hiện quy trình công tác cán bộ theo Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; đã ban hành 213 Quyết định bổ nhiệm lại, nghỉ hưu, nâng lương... kịp thời giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Công tác cải hành chính được quan tâm. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã tiếp nhận và giải quyết đúng hạn 1.509/1.539 hồ sơ, đạt 98% (còn 30 hồ sơ trong lĩnh vực đất đai đang trong hạn giải quyết), hoàn thành hồ sơ chấm điểm cải cách hành chính năm 2021; tổ chức tổng kết công tác thi đua cụm 3 các huyện, thành phố (kết quả Kiên Hải đạt nhì cụm). Xét khen thưởng kịp thời cho 122 tập thể và 474 cá nhân có thành tích đóng góp trong các cuộc vận động và thực hiện tốt các phong trào thi đua. Chỉ đạo hoàn thành và tổng kết hoạt động của Tổ NDTQ nhiệm kỳ 2019-2021 và bầu cử Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký Tổ NDTQ nhiệm kỳ 2022-2024; sơ kết 04 năm thực hiện Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 20/11/2017 của UBND huyện về tăng cường nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức huyện Kiên Hải.

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong những tháng đầu năm 2022 mặc dù còn gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 nhưng các cấp, các ngành và nhân dân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, có 3/7 chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt và vượt so với kế hoạch (trên 50%). Kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư. Dịch vụ, du lịch tăng trưởng khá, góp phần nâng cao đời sống của người dân, Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục, y tế được nâng lên; công tác phòng, chống dịch bệnh, tiêm ngừa vắc xin Covid-19 được thực hiện kịp thời và chặt chẽ. Các chế độ, chính sách an sinh xã hội được quan tâm kịp thời, quốc phòng - an ninh được tăng cường giữ vững; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, còn 4/7 chỉ tiêu kinh tế chủ yếu chưa đạt so với kế hoạch như: Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu; Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản; Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng; Chi ngân sách. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chậm; tiến độ thi công, giải ngân vốn công trình xây dựng cơ bản đạt thấp. Tình hình vi phạm trật tự xã hội, tranh chấp ngư trường có lúc, có nơi còn xảy ra. Việc duy trì và nâng lên chất lượng các tiêu chí nông thôn mới còn hạn chế; tình trạng ô nhiễm môi trường địa bàn dân cư chưa được xử lý tốt. Việc vi phạm lấn chiếm đất đai, xây dựng vẫn còn phát sinh (8 hộ) chậm xử lý còn tồn đọng kéo dài. Hiệu quả quản lý Nhà nước trên địa phương còn hạn chế, chưa có sự quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện, nhất là công tác quản lý nhà nước về trật tự đất đai, xây dựng.

Nguyên nhân hạn chế: Do nguồn lợi khai thác hải sản giảm, chi phí nhiên liệu, vật liệu xây dựng tăng cao, đầu ra sản phẩm thiếu tính ổn định. Một vài công trình, dự án triển khai còn chậm, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công. Trong chỉ đạo, điều hành từng lúc, từng việc có mặt chưa kịp thời, chưa giải quyết tốt các vấn đề phát sinh, nhất là lĩnh vực đất đai, xây dựng. Ý thức bảo vệ môi trường, chấp hành pháp luật về đất đai, xây dựng, trật tự xã hội của một số người dân chưa tốt.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Kiên Hải đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 với tổng số công trình, dự án là 38 công trình, dự án (*không bao gồm nhu cầu chuyển mục đích của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân*). Trong đó, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 như sau:

- Có **05/38** công trình, dự án đã thực hiện xong trong kế hoạch sử dụng đất 2022. Trong đó:

+ Có **03/5** công trình đã thực hiện

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất		
1	Hồ nước bãi Cây Mến	DTL	6,60	6,60		DTL	An Sơn	Có quyết định giao đất
2	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 3	DSH	0,01	0,01		DSH	Hòn Tre	GCNQSDĐ số BU 306170 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 27/01/2015
3	Chi cục thuế huyện	TSC	0,51		0,51	CLN	Hòn Tre	Có Quyết định giao đất

+ Có **02/5** công trình xây dựng xong, chuyển sang giao đất

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất		
1	Trụ sở công an xã Lại Sơn	CAN	0,05		0,05	CLN	Lại Sơn	Xây dựng xong, chuyển qua danh mục giao đất
2	Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lán biển Hòn Ngang)	DVH	0,23		0,23	CSD:0,21; DGT:0,01; ONT:0,01	Nam Du	Xây dựng xong, chuyển qua danh mục giao đất

+ Có **04/38** dự án không liệt kê thành danh mục công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
1	Giao đất ở tại nông thôn theo phương án Dinh Ông	ONT	0,05	0,05		ONT	Lại Sơn	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân, đã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không cần đưa vào danh mục công trình.
2	Trạm cấp nước xã Hòn Tre	DTL	0,12		0,12	CSD	Hòn Tre	Nằm trong dự án “Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre” nên không tách riêng danh mục công trình
3	Nhà máy nước xã Hòn Tre	SKC	0,14		0,14	CSD		
4	Trung tâm văn hóa huyện (Trong khu lấn biển Hòn Tre)	DVH	0,33		0,33	CSD		

+ Có **32/38** công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (Do có phát sinh thu hồi đất nên tách ra riêng danh mục Đường nhánh trong khu lấn biển Hòn Ngang)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
*	Công trình thu hồi đất							
1	Trận địa pháo Hòn Tre	CQP	0,59		0,59	CLN	Hòn Tre	
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2	DGT	10,14	0,05	10,09	RPH: 1,38; CLN: 5,06; CSD: 3,65ha;	An Sơn	
3	Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự	DGT	0,47		0,47	CLN: 0,43; RPH: 0,04	An Sơn	
4	Đường ngang đảo Hòn ngang	DGT	0,03		0,03	ONT	Nam Du	

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
5	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km)	DGT	2,70		2,70	RPH: 1,63; CQP: 1,07	An Sơn	
6	Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	DGT	0,97	0,02	0,95	CLN: 0,11ha; ONT: 0,03ha; CSD: 0,02ha; DTL: 0,02ha; RPH: 0,77ha;	An Sơn	
7	Lộ giao thông nông thôn ấp I (Đoạn từ Tỉnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi Chén)	DGT	0,24		0,24	CLN: 0,14; CSD: 0,10	Hòn Tre	
8	Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	NTD	2,63		2,63	RPH: 2,29ha; CLN: 0,34ha	An Sơn	
9	Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du)	DTL	0,04		0,04	CLN: 0,01 ONT: 0,03	Nam Du	- Đang trình hồ sơ khảo sát giá đất
10	Cty TNHH Sản xuất giống thủy sản Trung Sơn (Bãi Bắc)	SKC	4,62		4,62	CLN	Lại Sơn	
11	Đường nhánh trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	DGT	0,02		0,02	ONT:0,02	Nam Du	- Tách từ dự án khu lấn biển Hòn Ngang do có phát sinh 04 hộ thu hồi đất ở diện tích thu hồi là 126,5 m ²
*	Công trình, dự án chuyển mục đích							
12	Lò đốt rác tạm Hòn Tre	DRA	0,10		0,10	CSD	Hòn Tre	
13	Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu	SKC	6,00		6,00	RPH: 6	An Sơn	

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý	
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)			
14	Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn	TMD	0,01		0,01	CLN	Lại Sơn		
15	Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre		36,99		36,99		Hòn Tre		
		ONT	15,76		15,76	CSD			
		DVH	1,23		1,23	CSD			
		DYT	0,22		0,22	CSD			
		TSC	0,10		0,10	CSD			
		DGD	1,00		1,00	CSD			
		TMD	2,84		2,84	CSD			
		DGT	11,88		11,88	CSD			
		DKV	2,16		2,16	CSD			
		DTL	0,35		0,35	CSD			
		DNL	0,21		0,21	CSD			
		MNC	0,72		0,72	CSD			
		SKC	0,14		0,14	CSD			
		DCH	0,38		0,38	CSD			
16	Trung tâm thương mại An Sơn.		1,10		1,10	SKC	An Sơn	Điều chỉnh cập nhật diện tích đất ONT	
		ONT	0,18		0,18				
		DCH	0,27		0,27				
		DGT	0,34		0,34				
		TMD	0,31		0,31				
17	Khu lấn biển Hòn Ngang		7,98	2,58	5,40		Nam Du	- Đang thực hiện kêu gọi đầu tư	
		ONT	4,65	2,58	2,07				CSD
		TMD	0,74		0,74				CSD
		DCH	0,74		0,74				CSD

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
		DTL	0,11		0,11	CSD		
		DGT	1,57		1,57	CSD		
		DKV	0,17		0,17	CSD		
*	Công trình đấu giá							
18	Đấu giá thửa TD 03-2020 (106-26)	ONT	0,01	0,01		ONT	Hòn Tre	
*	Công trình giao đất							
19	Trụ sở làm việc CA xã Hòn Tre	CAN	0,02		0,02	CLN	Hòn Tre	
20	Đại đội bộ binh	CQP	0,23		0,23	CLN:0,23	Hòn Tre	
21	Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã An Sơn	DKV	0,60		0,60	CLN: 0,6	An Sơn	
22	Công viên xã Hòn Tre	DKV	0,08		0,08	CLN: 0,08	Hòn Tre	
23	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 1	DSH	0,01	0,01		DSH	Hòn Tre	
24	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2	DSH	0,02	0,02		DSH	Hòn Tre	
25	Trung tâm văn hóa thể thao xã An Sơn	DVH	0,28		0,28	CLN	An Sơn	
26	Bồn chứa nước (Áp 3)	SKC	0,04		0,04	CLN	Hòn Tre	
27	Chùa Long Quang - Hòn Mấu	TON	0,21		0,21	CLN	Nam Du	
28	Nhà tập thể ủy ban huyện	TSC	0,02		0,02	ONT: 0,02	Hòn Tre	
29	Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang)	DVH	0,23	0,23		DVH	Nam Du	
30	Trụ sở công an xã Lại Sơn	CAN	0,05	0,05		CAN	Lại Sơn	Xây dựng xong và đang sử dụng, đang làm thủ tục giao đất
*	Công trình thuê đất							
31	Khu xử lý rác thải Hòn Tre	DRA	3,20	3,09	0,11	CSD: 0,07ha; DGT: 0,04ha	Hòn Tre	
32	Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre	NTD	1,40		1,40	CSD: 1,4ha	Hòn Tre	

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 như sau:

a) Đất nông nghiệp

Bảng 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích KHSDD 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	So sánh			
						Diện tích chưa thực hiện	KQTH /HT tăng (+) giảm (-)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)=(6)-(4)	(9)=(5)-(4)	(10)=(8)/(9)*100
	Tổng diện tích tự nhiên		2.474,91	2.474,91	2.474,91				
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.934,83	1.832,61	1.929,63	97,02	-5,20	-102,22	5,09
	<i>Trong đó:</i>								
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN	659,65	569,54	654,45	84,91	-5,20	-90,11	5,77
-	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.275,18	1.263,07	1.275,18	12,11	0,00	-12,11	0,00

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải được duyệt, đất nông nghiệp có diện tích là 1.832,61 ha, hiện trạng năm 2021 là 1.934,83 ha, định hướng giảm 102,22 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 1.929,63 ha, **giảm 5,20 ha** so với hiện trạng, **đạt 5,09%** kế hoạch được duyệt do phần lớn các công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa triển khai thực hiện và diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân chưa cao, nên diện tích đất nông nghiệp giảm không đáng kể, cụ thể như sau:

- Đất trồng cây lâu năm

Theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022, diện tích đất trồng cây lâu năm là 569,54 ha, hiện trạng năm 2021 là 659,65 ha, định hướng giảm 90,11 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 654,45 ha, giảm 5,20 ha so với hiện trạng, đạt 5,77%. Nguyên nhân là do trong năm 2022 huyện Kiên Hải đã thực hiện xong một số công trình giao đất như Chi cục thuế huyện; Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 3 tại xã Hòn Tre và chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình cá nhân từ đất cây lâu năm chuyển sang thương mại dịch vụ 1,3 ha; chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,18 ha.

- Đất rừng phòng hộ

Theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022, diện tích đất rừng phòng hộ là 1.263,07 ha, hiện trạng năm 2021 là 1.275,18 ha, giảm 12,11 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 1.275,18 ha, không biến động so hiện trạng năm 2021, không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do các công trình, dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2; Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự; Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km); Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu chưa hiện xong và chuyển tiếp thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

b) Đất phi nông nghiệp

Bảng 3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích KHSDĐ 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	So sánh			
						Diện tích chưa thực hiện	KQTH/HT tăng (+) giảm (-)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)=(6)-(4)	(9)=(5)-(4)	(10)=(8)/(9)*100
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	184,33	334,98	189,74	- 145,24	5,41	150,65	3,59
	<i>Trong đó:</i>								
-	Đất quốc phòng	CQP	32,64	32,39	32,64	0,25		-0,25	
-	Đất an ninh	CAN	1,29	1,36	1,34	-0,02	0,05	0,07	71,43
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,73	47,69	4,42	- 43,27	3,69	46,96	7,86
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,96	11,02	0,96	- 10,06		10,06	
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	76,57	126,28	77,51	- 48,77	0,94	49,71	1,89
	<i>Trong đó:</i>								
+	Đất giao thông	DGT	53,04	93,50	53,03	- 40,47	-0,01	40,46	-
+	Đất thủy lợi	DTL	8,87	9,23	9,59	0,36	0,72	0,36	200,00
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,84	2,30	1,07	- 1,23	0,23	1,46	15,75
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,44	0,66	0,44	- 0,22		0,22	-
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,94	3,94	2,94	- 1,00		1,00	
+	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,69	0,69	0,69				
+	Đất công trình năng lượng	DNL	0,26	0,47	0,26	- 0,21		0,21	-
+	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,34	0,34	0,34				
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,59	1,59	1,59				
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,61	3,82	3,61	- 0,21		0,21	-
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,73	2,94	2,73	- 0,21		0,21	
+	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, hỏa táng	NTD	1,08	5,11	1,08	- 4,03		4,03	-
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,02	0,02	0,02				
+	Đất chợ	DCH	0,12	1,67	0,12	- 1,55		1,55	
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			0,04		0,04		
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,16	3,17	0,16	- 3,01		3,01	-
-	Đất ở tại nông thôn	ONT	63,54	103,28	63,72	- 39,56	0,18	39,74	0,45
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,37	5,00	4,88	- 0,12	0,51	0,63	80,95
-	Đất tín ngưỡng	TIN	2,22	2,22	2,22				
-	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	1,61	1,61				
-	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,24	0,96	0,24	- 0,72		0,72	-

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được duyệt, đất phi nông nghiệp có diện tích là 334,98 ha, hiện trạng năm 2021 là 184,33 ha, định hướng tăng 150,65 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 189,74 ha, **tăng 5,41 ha, đạt 3,59%** so với kế hoạch được duyệt, cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 32,39 ha, hiện trạng năm 2021 là 32,64 ha, định hướng giảm 0,25 ha so với hiện trạng năm 2021. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 32,64 ha, không biến động so với hiện trạng. Nguyên nhân do các công trình Trại địa pháo Hòn Tre và Đại đội bộ binh xã Hòn Tre chưa thực hiện xong và chuyển tiếp sang thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Đất an ninh

Theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 1,36 ha, hiện trạng năm 2021 là 1,29 ha, định hướng tăng 0,07 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 1,34 ha, đạt 71,43% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do công trình Trụ sở công an xã Lại Sơn đã xây dựng xong, chuyển tiếp sang 2023 để thực hiện thủ tục giao đất và công trình Trụ sở làm việc công an xã Hòn Tre (0,02 ha) chưa giao đất, tiếp tục thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Đất thương mại, dịch vụ

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 47,69 ha, hiện trạng năm 2021 là 0,73 ha, định hướng tăng 46,96 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 4,42 ha, tăng 3,69 ha so với hiện trạng, đạt 7,86%. Đây là diện tích dự kiến chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ của các hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022. Ngoài ra, diện tích tăng chưa đạt chỉ tiêu đề ra là do các công trình: Xây dựng nhà chờ bên cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn; Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Trung tâm thương mại An Sơn; Khu lấn biển Hòn Ngang chưa thực hiện xong và chuyển tiếp thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 11,02 ha, hiện trạng năm 2021 là 0,96 ha, định hướng tăng 10,06 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 0,96 ha, không biến động so với hiện trạng. Nguyên nhân do chưa thực hiện xong công trình Cty TNHH Sản xuất giống thủy sản Trung Sơn (Bãi Bắc); giao đất Bồn chứa nước (Áp 3) và giao đất Nhà máy nước xã Hòn Tre.

- Đất phát triển hạ tầng

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 126,28 ha, hiện trạng năm 2021 là 76,57 ha, định hướng tăng 49,71 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 77,51 ha, tăng 0,94 ha so với hiện trạng, đạt 1,89% so với kế hoạch được duyệt do thực hiện xong giao đất Hồ nước Bãi Cây Mến và công trình Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang) đã xây dựng xong, chuyển sang năm 2023 để thực hiện giao đất. Ngoài ra, diện tích đất phát triển hạ tầng tăng chưa đạt chỉ tiêu đề ra là do một số công trình dự án chưa thực hiện xong như:

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2 (10,09 ha)

+ Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự (0,47 ha)

- + Đường ngang đảo Hòn Ngang (0,03 ha)
- + Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km) (2,7 ha)
- + Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn (0,95 ha)
- + Lộ giao thông nông thôn cấp I (Đoạn từ Tịnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi chén) (0,24 ha)
- + Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn (2,63 ha)
- + Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du) (0,04)
- + Trung tâm văn hóa huyện (Trong khu lấn biển Hòn Tre) (0,33 ha)
- + Lò đốt rác tạm Hòn Tre (0,1 ha)
- + Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre
- + Trung tâm thương mại An Sơn
- + Khu lấn biển Hòn Ngang
- + Giao đất Trạm cấp nước xã Hòn Tre
- + Giao đất Trung tâm văn hóa thể thao xã An Sơn
- + Giao đất Chùa Long Quang - Hòn Mấu (0,21 ha)
- + Thuê đất Khu xử lý rác thải Hòn Tre (0,11 ha)
- + Thuê đất Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre (1,4 ha)

- Đất sinh hoạt cộng đồng

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 0,0 ha, không biến động so với hiện trạng. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 0,04 ha do thực hiện xong giao đất Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 3 tại xã Hòn Tre và cập nhật hiện trạng đối với 02 công trình giao đất Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 1, Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2 xã Hòn Tre.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 3,17 ha, hiện trạng năm 2021 là 0,16 ha, định hướng tăng 3,01 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 0,16 ha, không biến động so hiện trạng năm 2021, không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do chưa thực hiện giao đất Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã An Sơn (0,6 ha) và Công viên xã Hòn Tre (0,08 ha).

- Đất ở tại nông thôn

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 103,28 ha, hiện trạng năm 2021 là 63,54 ha, định hướng tăng 39,74 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 63,72 ha, tăng 0,18 ha so với hiện trạng năm 2021. Nguyên nhân: chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa do thực hiện xong Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang) và nhận từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân (0,18 ha).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 5,0 ha, hiện trạng năm 2021 là 4,37 ha, định hướng tăng 0,63 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 4,88 ha, tăng 0,51 ha so với hiện trạng năm 2021, đạt 80,95%. Nguyên nhân thực hiện xong giao đất Chi cục thuế huyện Kiên Hải.

- Đất tín ngưỡng

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 2,22 ha, không biến động so với hiện trạng năm 2021. Kết quả thực hiện là 2,22 ha, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 1,61 ha, không biến động so với hiện trạng năm 2021. Kết quả thực hiện là 1,61 ha, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Đất mặt nước chuyên dùng

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 0,96 ha, định hướng tăng 0,72 ha so với hiện trạng 2021. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 0,24 ha, không biến động so với hiện trạng do chưa thực hiện xong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

c) Đất chưa sử dụng

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích KHSDD 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	So sánh			Tỷ lệ (%)
						Diện tích chưa thực hiện	KQTH/HT tăng (+) giảm (-)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)=(6)-(4)	(9)=(5)-(4)	(10)=(8)/(9)*100
3	Đất chưa sử dụng	CSD	355,75	307,32	355,54	48,22	-0,21	-48,43	0,43

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 307,32 ha, hiện trạng năm 2021 là 355,75 ha, định hướng giảm 48,43 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 355,54 ha, **giảm 0,21 ha** so với hiện trạng năm 2021, **đạt 0,43%** do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa vì thực hiện xong Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang).

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Kết quả thực hiện 39 danh mục công trình dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (phát sinh 01 danh mục thu hồi đất tách ra từ dự án Khu lấn biển Hòn Ngang) cụ thể như sau:

- Danh mục công trình, dự án thu hồi đất: 13 công trình, dự án

+ Danh mục Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang) đã xây dựng xong, chuyển qua giao đất.

+ Danh mục Trung tâm văn hóa huyện (Trong khu lấn biển Hòn Tre) thuộc dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre nên không liệt kê danh mục công trình

+ Phát sinh 01 danh mục: Đường nhánh trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang diện tích thu hồi 0,02 ha.

+ 10 danh mục chuyển tiếp gồm: Trận địa pháo Hòn Tre; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2; Đường vào bên cặp tàu Bãi Ngự; Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km); Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Lộ giao thông nông thôn ấp I (Đoạn từ Tịnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi Chén); Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du); Cty TNHH Sản xuất giống thủy sản Trung Sơn (Bãi Bắc) đang tiếp tục triển khai thực hiện. Dự kiến cuối năm 2022, ban hành quyết định thu hồi đất công trình Đường ngang đảo Hòn Ngang.

- **Danh mục chuyển mục đích:** 07 danh mục công trình, dự án

+ Danh mục Trụ sở công an xã Lại Sơn đã thực hiện xong và chuyển sang danh mục giao đất.

+ 06 danh mục chuyển tiếp đăng ký từ năm 2021, 2022: Lò đốt rác tạm Hòn Tre; Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu; Xây dựng nhà chờ bến cặp tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn; Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Trung tâm thương mại An Sơn.; Khu lấn biển Hòn Ngang đang tiếp tục triển khai thực hiện.

- **Danh mục đấu giá:** 01 danh mục công trình đang triển khai thực hiện.

- **Danh mục giao đất:** 16 công trình, dự án

+ 03 công trình dự án đã thực hiện xong: Hồ nước Bãi Cây Mến; Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 3; Chi cục thuế huyện.

+ 03 công trình không liệt kê vào danh mục công trình trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 gồm: Giao đất ở tại nông thôn theo phương án Dinh Ông; Trạm cấp nước xã Hòn Tre; Nhà máy nước xã Hòn Tre.

+ 10 công trình giao đất đăng ký từ 2021, 2022 gồm: Trụ sở làm việc CA xã Hòn Tre; Đại đội bộ binh; Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã An Sơn; Công viên xã Hòn Tre; Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 1; Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2; Trung tâm văn hóa thể thao xã An Sơn; Bồn chứa nước (ấp 3); Chùa Long Quang – Hòn Mấu; Nhà tập thể ủy ban huyện đang tiếp tục triển khai thực hiện.

- **Danh mục cho thuê đất:** 02 danh mục công trình đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng đất đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, nhất là trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất,... Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07/7/2022. Thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 ngắn do đó các danh mục công trình dự án đăng ký trong kế hoạch năm 2022 phần lớn chưa triển khai thực hiện.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 phần lớn được xây dựng, xét duyệt trên cơ sở chuyển tiếp các hạng mục công trình từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Vì vậy, một số hạng mục đăng ký chuyển tiếp còn mang tính chất định hướng dài hạn, chưa bám sát kế hoạch phân bổ nguồn vốn nên tính khả thi trong kỳ kế hoạch chưa cao.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt người có nhu cầu sử dụng đất chậm thực hiện hiện thủ tục về đất đai nhất là trong việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Một số công trình, dự án triển khai thực hiện dự án kéo dài, nhất là các dự án lớn như: Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu; Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Trung tâm thương mại An Sơn.; Khu lấn biển Hòn Ngang,... chưa thực hiện xong năm kế hoạch. Từ đó, một số chỉ tiêu sử dụng đất không đạt hoặc đạt thấp so với kế hoạch sử dụng đất 2022 được duyệt.

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao. Hơn nữa trong những năm qua với chính sách giảm chi tiêu công và những khó khăn của doanh nghiệp nên ảnh hưởng đến nguồn vốn ngân sách cũng như nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện dự án.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

- Tình hình dịch bệnh Covid - 19 tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến đời sống kinh doanh và sản xuất của nhiều tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nên nhu cầu chuyển mục đích cũng giảm theo.

- Một số người dân nhận thức về pháp luật đất đai còn hạn chế, chưa hợp tác với các cơ quan chức năng trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi đất và thực hiện dự án.

- Các văn bản pháp lý liên quan đến đất đai thay đổi nên cũng gây rất nhiều lúng túng trong triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức trên địa bàn huyện còn có khăn vướng mắc. Do diện tích đất được phê duyệt trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước đây với diện tích xin cấp giấy chưa phù hợp nên chưa thực hiện được thủ tục.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện các dự án đăng ký trong năm kế hoạch còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; do điều kiện tự nhiên, địa hình không thuận tiện để xây dựng các hạng mục của dự án nên dẫn đến dự án chậm triển khai thực hiện nên chỉ tiêu kế hoạch chưa đạt theo mục tiêu đề ra.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án của một số ngành, địa phương tương đối đáp ứng đủ, đúng với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhưng do chưa dự báo được chính xác nguồn vốn đầu tư. Mặt khác, nguồn vốn đầu tư xây dựng của huyện phần lớn phụ thuộc vào ngân sách của Trung ương và tỉnh nên khi nguồn vốn gặp khó khăn dẫn đến không thực hiện được các công trình, dự án như đã đăng ký.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Kiên Hải được xây dựng dựa trên việc đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 và kết quả đăng ký nhu cầu sử dụng đất các ngành, các cấp có liên quan; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2023 nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương. Tổng hợp danh mục công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là **42** công trình, dự án (*Không bao gồm diện tích chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân*). Cụ thể:

STT	Công trình	Số lượng
1	Công trình dự án chuyển tiếp từ KHSDD 2022	32
-	Công trình dự án thu hồi đất	11
-	Công trình dự án chuyển mục đích	06
-	Công trình đấu giá	01
-	Công trình giao đất	12
-	Công trình cho thuê đất	02
2	Công trình dự án đăng ký mới trong KHSDD 2023	10
-	Công trình dự án thu hồi đất	02
-	Công trình dự án chuyển mục đích	04
-	Công trình giao đất	04
	TỔNG CỘNG (1+2)	42

Bảng 4. Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				xã Hòn Tre	xã Lại Sơn	xã An Sơn	xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...(9)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên		2.478,20	481,85	1.087,05	711,90	197,40
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.869,66	275,82	883,10	546,15	164,59
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	610,57	166,92	315,99	61,12	66,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.259,09	108,90	567,11	485,03	98,05
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				xã Hòn Tre	xã Lại Sơn	xã An Sơn	xã Nam Du
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	306,05	90,85	74,48	108,59	32,13
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	39,99	6,12	6,29	26,44	1,14
2.2	Đất an ninh	CAN	1,36	1,25	0,07		0,04
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	35,14	8,61	8,06	12,73	5,74
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	13,66	0,18	4,64	8,84	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	115,90	36,27	28,88	40,86	9,89
	<i>Trong đó:</i>						
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>82,16</i>	<i>22,10</i>	<i>22,48</i>	<i>29,91</i>	<i>7,67</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>10,07</i>	<i>0,35</i>	<i>2,99</i>	<i>6,58</i>	<i>0,15</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,58</i>	<i>1,24</i>	<i>0,83</i>	<i>0,28</i>	<i>0,23</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,66</i>	<i>0,34</i>	<i>0,18</i>	<i>0,06</i>	<i>0,08</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>3,94</i>	<i>1,60</i>	<i>0,91</i>	<i>0,84</i>	<i>0,59</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>0,69</i>	<i>0,50</i>	<i>0,09</i>	<i>0,10</i>	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,47</i>	<i>0,33</i>	<i>0,05</i>	<i>0,04</i>	<i>0,05</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,34</i>	<i>0,15</i>	<i>0,07</i>	<i>0,04</i>	<i>0,08</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>					
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>1,59</i>	<i>1,57</i>		<i>0,02</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>3,82</i>	<i>3,64</i>		<i>0,09</i>	<i>0,09</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>2,94</i>	<i>2,13</i>	<i>0,60</i>		<i>0,21</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>5,11</i>	<i>1,87</i>	<i>0,61</i>	<i>2,63</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>					
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>0,02</i>	<i>0,02</i>			
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,51</i>	<i>0,43</i>	<i>0,07</i>	<i>0,27</i>	<i>0,74</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				xã Hòn Tre	xã Lại Sơn	xã An Sơn	xã Nam Du
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,19	0,04		0,15	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,17	2,33	0,07	0,60	0,17
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	86,83	31,15	23,89	18,25	13,54
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,02	3,80	0,12	0,40	0,70
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	2,22	0,19	1,10	0,02	0,91
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	0,19	1,36	0,06	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,96	0,72		0,24	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	302,49	115,18	129,47	57,16	0,68

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

- **Lĩnh vực quốc phòng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực quốc phòng có nhu cầu thực hiện 06 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm là 8,42 ha. Diện tích đất xây dựng công trình quốc phòng năm 2023 là 39,99 ha.

- **Lĩnh vực an ninh:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực an ninh có nhu cầu thực hiện giao đất 02 công trình, dự án với diện tích tăng thêm là 0,02 ha. Diện tích đất an ninh của huyện Kiên Hải năm 2023 là 1,36 ha.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh

+ Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực thương mại dịch vụ thực hiện 07 công trình, dự án (trong đó có 04 công trình đất đa mục đích), tổng diện tích tăng thêm là 10,72 ha và diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân tại các xã dự kiến là 20,0 ha. Diện tích đất thương mại dịch vụ của huyện Kiên Hải năm 2023 là 35,14 ha.

+ Lĩnh vực sản xuất phi nông nghiệp có nhu cầu thực hiện 05 công trình, dự án (trong đó có 01 công trình giao đất và 01 công trình đất đa mục đích) với diện tích tăng thêm là 13,8 ha. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Kiên Hải năm 2023 là 13,66 ha.

- **Lĩnh vực giao thông:** Trong Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, lĩnh vực giao thông có nhu cầu thực hiện 11 công trình, dự án (trong đó có 4 công trình đất đa mục đích) với tổng diện tích tăng thêm 29,17 ha. Diện tích đất giao thông của huyện Kiên Hải năm 2023 là 82,16 ha.

- **Lĩnh vực thủy lợi:** Trong Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, lĩnh vực thủy lợi có nhu cầu thực hiện 04 công trình, dự án (trong đó có 02 công trình đa loại đất, 01 công trình giao đất) với tổng diện tích tăng thêm 0,5 ha. Diện tích đất thủy lợi của huyện Kiên Hải năm 2023 là 10,07 ha.

- **Lĩnh vực văn hóa:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực văn hóa có nhu cầu thực hiện 03 công trình (trong đó có 01 công trình đa loại đất; 02 công trình giao đất) với tổng diện tích tăng thêm 1,51 ha. Diện tích đất cơ sở văn hóa của huyện Kiên Hải năm 2023 là 2,58 ha.

- **Lĩnh vực y tế:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực y tế có nhu cầu thực hiện 01 dự án đa loại đất với tổng diện tích tăng thêm 0,22 ha. Diện tích đất cơ sở y tế của huyện Kiên Hải năm 2023 là 0,66 ha.

- **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thực hiện 01 dự án đa loại đất với diện tích tăng thêm 1,0 ha. Diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Kiên Hải năm 2023 là 3,94 ha.

- **Lĩnh vực năng lượng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực năng lượng thực hiện 01 dự án đa loại đất với diện tích tăng thêm 0,21 ha. Diện tích đất công trình năng lượng của huyện Kiên Hải năm 2023 là 0,47 ha.

- **Lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng thực hiện 03 công trình, dự án (trong đó có 01 dự án đa loại đất và 02 công trình giao đất) với diện tích tăng thêm 0,15 ha. Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của huyện Kiên Hải năm 2023 là 0,19 ha.

- **Lĩnh vực vui chơi, giải trí công cộng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực vui chơi, giải trí công cộng thực hiện 04 công trình, dự án (trong đó có 02 dự án đa loại đất và 02 công trình giao đất) với diện tích tăng thêm 3,01 ha. Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện Kiên Hải năm 2023 là 3,17 ha.

- **Lĩnh vực trụ sở cơ quan:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, lĩnh vực trụ sở cơ quan thực hiện 03 công trình, dự án (trong đó có 01 dự án đa loại đất và 01 công trình giao đất) với diện tích tăng thêm 0,14 ha. Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Kiên Hải năm 2023 là 5,02 ha.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, nhu cầu sử dụng đất của tổ chức là 42 công trình, dự án. Trong đó:

- **Đất quốc phòng:** có nhu cầu thực hiện 06 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm là 8,42 ha.

Bảng 5. Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Trận địa pháo Hòn Tre	0,59		0,59	CLN	Hòn Tre
2	Thao trường huấn luyện xã Lại Sơn	5,32		5,32	CSD	Lại Sơn
3	Thao trường huấn luyện xã Hòn Tre	1,25		1,25	CLN	Hòn Tre
4	Đại đội bộ binh	0,23		0,23	CLN	Hòn Tre
5	Trụ sở BCH Quân sự xã An Sơn	0,17	0,17			An Sơn
6	Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9	1,03		1,03	RPH:0,98 ONT:0,05	Nam Du
	Tổng cộng	8,59	0,17	8,42		

- **Đất an ninh:** có nhu cầu thực hiện 02 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm là 0,02 ha

Bảng 6. Nhu cầu sử dụng đất an ninh trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Trụ sở làm việc CA xã Hòn Tre	0,02		0,02	CLN	Hòn Tre
2	Trụ sở công an xã Lại Sơn	0,05	0,05		CAN	Lại Sơn
	Tổng cộng	0,07	0,05	0,02		

- **Đất thương mại, dịch vụ:** có nhu cầu thực hiện 07 công trình, dự án với diện tích tăng thêm là 10,72 ha.

Bảng 7. Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn	0,01		0,01	CLN	Lại Sơn
2	Khu phức hợp Bãi Cây Mến (Giai đoạn 1)	5,27		5,27	CLN	An Sơn
3	Đất thương mại, dịch vụ trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	2,84		2,84	CSD	Hòn Tre
4	Đất thương mại, dịch vụ trong dự án Trung tâm thương mại An Sơn	0,31		0,31	SKC	An Sơn
5	Đất thương mại, dịch vụ trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	0,74		0,74	CSD	Nam Du
6	Đất thương mại, dịch vụ trong dự án Khu lấn biển An Sơn	0,96		0,96	MVB	An Sơn
7	Khu du lịch Bãi Bàng	1,08	0,49	0,59	CLN	Lại Sơn
	Tổng cộng	11,21	0,49	10,72		

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có nhu cầu thực hiện 05 công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất 2023 với tổng diện tích tăng thêm là 13,80 ha

Bảng 8. Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Cty TNHH Sản xuất giống thủy sản Trung Sơn (Bãi Bắc)	4,62		4,62	CLN	Lại Sơn
2	Dự án nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu cá, rong biển và các loại thủy hải sản khác	3,0		3,0	RPH	An Sơn
3	Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu	6,00		6,00	RPH: 6	An Sơn
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong dự án Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	0,14		0,14	CSD	Hòn Tre
5	Bồn chứa nước (Áp 3)	0,04		0,04	CLN	Hòn Tre
	Tổng cộng	13,8		13,8		

- **Đất giao thông:** có nhu cầu đăng ký 11 hạng mục với tổng diện tích tăng thêm là 29,17 ha.

Bảng 9. Nhu cầu sử dụng đất giao thông trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2	10,14	0,05	10,09	RPH: 1,38; CLN: 5,06; CSD:3,65ha	An Sơn
2	Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự	0,47		0,47	CLN: 0,43; RPH: 0,04	An Sơn
3	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km)	2,70		2,70	RPH: 1,63; CQP: 1,07	An Sơn
4	Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	0,97	0,02	0,95	CLN:0,11ha ONT:0,03ha CSD:0,02ha DTL:0,02ha RPH:0,77ha	An Sơn
5	Lộ giao thông nông thôn ấp I (Đoạn từ Tịnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi chén)	0,24		0,24	CLN: 0,14; CSD: 0,10	Hòn Tre
6	Đất giao thông trong dự án Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	11,88		11,88	CSD	Hòn Tre
7	Đất giao thông trong dự án Trung tâm thương mại An Sơn	0,34		0,34	SKC	An Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
8	Đất giao thông trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	1,57		1,57	CSD:1,57	Nam Du
9	Đất giao thông trong dự án Khu lấn biển An Sơn	0,88		0,88	MVB	An Sơn
10	Đường ngang đảo Hòn Ngang	0,03		0,03	ONT	Nam Du
11	Đường nhánh trong Dự án khu lấn biển Hòn Ngang	0,02		0,02	ONT	Nam Du
	Tổng cộng	29,24	0,07	29,17		

- **Đất thủy lợi:** có nhu cầu thực hiện 03 hạng mục với diện tích tăng thêm là 0,5ha

Bảng 10. Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du)	0,04		0,04	CLN:0,01 ONT: 0,03	Nam Du
2	Đất thủy lợi trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	0,35		0,35	CSD	Hòn Tre
3	Đất thủy lợi trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	0,11		0,11	CSD	Nam Du
4	Hồ chứa nước Bãi Nhà	3,35	3,35		DTL	Lại Sơn
	Tổng cộng	0,5		0,5		

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** có nhu cầu thực hiện 03 công trình với diện tích tăng thêm là 1,51 ha.

Bảng 11. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	1,23		1,23	CSD	Hòn Tre
2	Trung tâm văn hóa thể thao xã An Sơn	0,28		0,28	CLN	An Sơn
3	Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang)	0,23	0,23		DVH	Nam Du
	Tổng cộng	1,74	0,23	1,51		

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** có nhu cầu thực hiện 01 hạng mục công trình với diện tích tăng thêm 0,22 ha là bố trí đất xây dựng cơ sở y tế trong dự án Mở rộng lần biển khu dân cư Hòn Tre.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** có nhu cầu thực hiện 01 hạng mục công trình với diện tích tăng thêm 1,0 ha bố trí đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong dự án Mở rộng lần biển khu dân cư Hòn Tre.

- **Đất công trình năng lượng:** có nhu cầu thực hiện 01 hạng mục công trình với diện tích tăng thêm 0,21 ha là bố trí đất công trình năng lượng trong dự án Mở rộng lần biển khu dân cư Hòn Tre.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** có nhu cầu thực hiện 02 công trình, dự án với diện tích tăng thêm là 0,21 ha.

Bảng 12. Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải trong Kế hoạch sử dụng đất 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Lò đốt rác tạm Hòn Tre	0,10		0,10	CSD	Hòn Tre
2	Khu xử lý rác thải Hòn Tre	3,20	3,09	0,11	CSD: 0,07; DGT: 0,04	Hòn Tre
	Tổng cộng	3,3	3,09	0,21		

- **Đất cơ sở tôn giáo:** có nhu cầu thực hiện 01 công trình giao đất Chùa Long Quang - Hòn Mấu (0,21 ha).

- **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** có nhu cầu thực hiện 02 công trình, dự án với diện tích tăng thêm là 4,03 ha.

Bảng 13. Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	2,63		2,63	RPH: 2,29ha; CLN: 0,34ha	An Sơn
2	Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre	1,4		1,4	CSD: 1,4ha	Hòn Tre
	Tổng cộng	4,03		4,03		

- **Đất chợ:** có nhu cầu thực hiện 03 hạng mục với diện tích tăng thêm là 1,39 ha

Bảng 14. Nhu cầu sử dụng đất chợ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất chợ trong Mở rộng lần biển khu dân cư Hòn Tre	0,38		0,38	CSD	Hòn Tre

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
2	Đất chợ trong Trung tâm thương mại An Sơn	0,27		0,27	SKC	An Sơn
3	Đất chợ trong Khu lấn biển Hòn Ngang	0,74		0,74	CSD	Nam Du
	Tổng cộng	1,39		1,39		

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** có nhu cầu thực hiện 03 công trình, dự án với diện tích tăng thêm là 0,15 ha (trong đó có 01 công trình đa loại đất và 02 công trình thực hiện giao đất).

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất sinh hoạt cộng đồng thuộc Khu lấn biển An Sơn	0,15		0,15	MVB	An Sơn
2	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 1	0,01	0,01		DSH	Hòn Tre
3	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2	0,02	0,02		DSH	Hòn Tre
	Tổng cộng	0,18	0,03	0,15		

- **Đất khu vui chơi giải trí công cộng:** có nhu cầu thực hiện 04 hạng mục công trình với diện tích tăng thêm là 3,01 ha

Bảng 15. Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi giải trí công cộng trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất khu vui chơi giải trí công cộng trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	2,16		2,16	CSD	Hòn Tre
2	Đất khu vui chơi giải trí công cộng trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	0,17		0,17	CSD	Nam Du
3	Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã An Sơn	0,60		0,60	CLN: 0,6	An Sơn
4	Công viên xã Hòn Tre	0,08		0,08	CLN: 0,08	Hòn Tre
	Tổng cộng	3,01		3,01		

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** có nhu cầu thực hiện 03 công trình, dự án với diện tích tăng thêm 0,14 ha.

Bảng 16. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan trong dự án Mở rộng khu dân cư Hòn Tre	0,1		0,1	CSD	Hòn Tre
2	Nhà tập thể ủy ban huyện	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre
3	Trụ sở làm việc huyện ủy Kiên Hải	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre
	Tổng cộng	0,14		0,14		

- Công trình bán đấu giá quyền sử dụng đất: đăng ký 01 công trình với diện tích 0,01 ha.

Bảng 17. Công trình đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Đấu giá thửa TĐ 03-2020 (106-26)	0,01	0,01		ONT	Hòn Tre
	Tổng cộng	0,01	0,01			

- Công trình thuê đất: đăng ký 02 công trình, dự án với diện tích là 1,51 ha

Bảng 18. Công trình cho thuê đất trong năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích công trình (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu xử lý rác thải Hòn Tre	3,2	3,09	0,11	CSD:0,07 DGT:0,05	Hòn Tre
2	Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre	1,4		1,4	CSD	Hòn Tre
	Tổng cộng	4,6	3,09	1,51		

- Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân: từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở và đất thương mại, dịch vụ dự kiến theo kế hoạch là 24,0 ha (trong đó chuyển sang đất ở tại nông thôn 4,0 ha; đất thương mại dịch vụ 20,0 ha)

Bảng 19. Dự kiến nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải

STT	Địa điểm (cấp xã)	CLN/ONT	CLN/TMD
1	Hòn Tre	1,0	5,0

STT	Địa điểm (cấp xã)	CLN/ONT	CLN/TMD
2	Lại Sơn	1,0	5,0
3	An Sơn	1,0	5,0
4	Nam Du	1,0	5,0
	Tổng cộng	4,0	20,0

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Kiên Hải như sau:

Bảng 20. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 so với hiện trạng năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích dự kiến năm 2022 ¹²	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Tăng (+) giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	Diện tích tự nhiên		2.474,91	2.478,20	3,29
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.929,63	1.869,66	-59,97
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	654,45	610,57	-43,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.275,18	1.259,09	-16,09
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS			
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	189,74	306,05	116,31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	32,64	39,99	7,35
2.2	Đất an ninh	CAN	1,34	1,36	0,02
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,42	35,14	30,72

¹² Diện tích ước tính thực hiện dựa trên kết quả ước tính hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2022 huyện Kiên Hải trong KHSDĐ năm 2021 được duyệt, kết quả điều tra thực hiện công trình kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và số liệu chuyển mục đích trong năm 2022.

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích dự kiến năm 2022 ¹²	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Tăng (+) giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,96	13,66	12,70
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	77,51	115,90	38,39
-	Đất giao thông	DGT	53,03	82,16	29,13
-	Đất thủy lợi	DTL	9,59	10,07	0,48
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,07	2,58	1,51
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,44	0,66	0,22
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,94	3,94	1,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,69	0,69	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,26	0,47	0,21
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,34	0,34	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,59	1,59	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,61	3,82	0,21
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,73	2,94	0,21
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,08	5,11	4,03
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,02	0,02	
-	Đất chợ	DCH	0,12	1,51	1,39
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,04	0,19	0,15
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,16	3,17	3,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	63,72	86,83	23,11
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,88	5,02	0,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,22	2,22	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	1,61	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,24	0,96	0,72
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	355,54	302,49	-53,05

Tổng diện tích tự nhiên

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của huyện Kiên Hải là 2.478,20 ha, tăng 3,29 ha so với năm 2022 do thực hiện dự án Khu lấn biển An Sơn.

a) Đất nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất nông nghiệp của huyện Kiên Hải là 1.869,66 ha, chiếm 75,44% tổng diện tích tự nhiên, giảm 59,97 ha so với năm 2022 do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - hội của huyện. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

*** Đất trồng cây lâu năm**

Diện tích đất trồng cây lâu năm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Kiên Hải là 610,57 ha, giảm 43,88 ha so với năm 2022 do chuyển sang đất quốc phòng 2,07 ha; đất an ninh 0,02 ha; đất thương mại dịch vụ 25,87 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4,66 ha; đất giao thông 5,74 ha; đất thủy lợi 0,01 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,28 ha; đất tôn giáo 0,21 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,34 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,68 ha; đất ở tại nông thôn 4,0 ha.

*** Đất rừng phòng hộ**

Diện tích đất rừng phòng hộ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Kiên Hải là 1.259,09 ha, giảm 16,09 ha so với năm 2022 do chuyển sang đất quốc phòng 0,98 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 9,0 ha; đất giao thông 3,82 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2,29 ha, để thực hiện các công trình, dự án như: Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9 tại xã Nam Du; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại xã đảo An Sơn (đường quanh đảo) giai đoạn 2; Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự; Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km); Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn, Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu; Dự án nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu cá, rong biển và các loại thủy hải sản khác.

b) Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 306,05 ha, chiếm 12,35% tổng diện tích tự nhiên, tăng thêm 116,31 ha so với năm 2022. Đất phi nông nghiệp tăng là phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của huyện Kiên Hải. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

*** Đất quốc phòng**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất quốc phòng của huyện Kiên Hải là 39,99 ha, tăng 7,35 ha so với năm 2022.

- Diện tích tăng 8,42 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 2,07 ha; đất rừng phòng hộ 0,98 ha; đất ở tại nông thôn 0,05 ha và đất chưa sử dụng 5,32 ha chuyển sang để thực hiện các công trình dự án: Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9 tại xã Nam Du; Trận địa pháo Hòn Tre; Thao trường huấn luyện xã Lại Sơn; Thao trường huấn luyện xã Hòn Tre; Đại đội bộ binh xã Hòn Tre; Trụ sở BCH quân sự xã An Sơn.

- Diện tích giảm 1,07 ha do chuyển sang đất giao thông thực hiện Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5km).

*** Đất an ninh**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất an ninh của huyện Kiên Hải là 1,36 ha, tăng 0,02 ha so với năm 2022 do nhận từ đất cây lâu năm chuyển sang để thực hiện giao đất đối với Trụ sở làm việc công an xã Hòn Tre và giao đất Trụ sở công an xã Lại Sơn.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất thương mại dịch vụ của huyện Kiên Hải là 35,14 ha, tăng 30,72 ha so với năm 2022 do đất trồng cây lâu năm 25,87 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,31 ha; đất chưa sử dụng 3,58 ha; đất mặt nước ven biển 0,96 ha chuyển sang, để bố trí thực hiện các công trình dự án: Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn (0,01 ha); Khu phức hợp Bãi Cây Mền giai đoạn 1 xã An Sơn (5,27 ha); đất thương mại, dịch vụ trong dự án Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre (2,84 ha); đất thương mại, dịch vụ trong dự án Trung tâm thương mại An Sơn (0,31 ha); đất thương mại, dịch vụ trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang (0,74 ha); đất thương mại dịch vụ trong dự án Khu lấn biển An Sơn (0,96 ha); Khu du lịch Bãi Bàng và phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân sang đất thương mại dịch vụ trong năm kế hoạch (20,0ha).

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Kiên Hải là 13,66 ha, tăng 12,70 ha so với năm 2022.

- Diện tích tăng 13,8 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 4,66 ha; đất rừng phòng hộ 9,0 ha; đất chưa sử dụng 0,14 ha chuyển sang để thực hiện các hạng mục: Dự án trung tâm nuôi trồng hải sản xuất khẩu tại xã An Sơn; Cty TNHH Sản xuất giống thủy sản Trung Sơn (Bãi Bắc); Dự án nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu cá, rong biển và các loại thủy hải sản khác tại xã An Sơn; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong Dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre và giao đất Bồn chứa nước (áp 3) xã Hòn Tre.

- Diện tích giảm 1,10 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,31 ha; đất giao thông 0,34 ha; đất chợ 0,27 ha; đất ở tại nông thôn 0,18 ha.

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng là một trong những mục tiêu quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất phát triển hạ tầng là 115,90 ha, tăng 38,39 ha so với năm 2022. Trong đó:

- Đất giao thông

Diện tích đất giao thông của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 82,16 ha, tăng 29,13 ha so với năm 2022.

+ Diện tích tăng 29,17 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 5,74 ha; đất rừng phòng hộ 3,82 ha; đất quốc phòng 1,07 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,34 ha; đất thủy lợi 0,02 ha; đất ở tại nông thôn 0,08 ha; đất chưa sử dụng 17,22 ha, đất mặt nước ven biển 0,88 ha chuyển sang, để thực hiện các công trình, dự án sau: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2; Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự; Đường ngang đảo Hòn ngang; Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km); Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Lộ

giao thông nông thôn ấp I (Đoạn từ Tịnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi chén); Đường nhánh trong Dự án Khu lấn biển Hòn Ngang; đất giao thông trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư xã Hòn Tre; đất giao thông trong Trung tâm thương mại An Sơn; đất giao thông trong Khu lấn biển Hòn Ngang và đất giao thông trong Khu lấn biển An Sơn.

+ Diện tích giảm 0,04 ha do chuyển sang đất bãi thải, xử lý chất thải (0,04 ha).

- Đất thủy lợi

Diện tích đất thủy lợi của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 10,07 ha, tăng 0,48 ha so với hiện trạng năm 2022.

+ Diện tích tăng 0,5 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,03 ha; đất chưa sử dụng 0,46 ha để thực hiện các công trình, dự án sau: Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du); đất thủy lợi trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre; đất thủy lợi trong Khu lấn biển Hòn Ngang; giao đất Hồ chứa nước Bãi Nhà.

+ Diện tích giảm 0,02 ha do chuyển sang đất giao thông.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 2,58 ha, tăng 1,51 ha so với năm 2022, do nhận từ đất chưa sử dụng 1,23 ha; đất trồng cây lâu năm 0,28 ha chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án: Đất xây dựng cơ sở văn hóa trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Trung tâm văn hóa xã Nam Du (Trong khu lấn biển Hòn Ngang); Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Lại Sơn.

- Đất xây dựng cơ sở y tế

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,66 ha, tăng 0,22 ha so với năm 2022, do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện đất xây dựng cơ sở y tế trong dự án mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3,94 ha, tăng 1,0 ha so với năm 2022 do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong dự án mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao của huyện Kiên Hải năm 2023 là 0,69 ha, giữ ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- Đất công trình năng lượng

Diện tích đất công trình năng lượng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,47 ha, tăng 0,21 ha so với năm 2022, do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện đất công trình năng lượng trong dự án mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre.

- Đất công trình bưu chính viễn thông

Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,34 ha, giữ ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1,59 ha, giữ ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3,82 ha, tăng 0,21 ha so với năm 2022, do nhận từ đất giao thông 0,04 ha; đất chưa sử dụng 0,17 ha; chuyển sang để thực hiện các công trình Lò đốt rác tạm Hòn Tre (0,1 ha) và Khu xử lý rác thải Hòn Tre (0,11 ha).

- Đất cơ sở tôn giáo

Diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 2,94 ha, tăng 0,21 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang để thực hiện giao đất Chùa Long Quang - Hòn Mấu xã Nam Du.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 5,11 ha, tăng 4,03 ha so với năm 2022, do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,34 ha; đất rừng phòng hộ 2,29 ha; đất chưa sử dụng 1,40 ha chuyển sang để thực hiện Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn (2,63 ha) và Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre (1,40 ha).

- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội

Diện tích đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,02 ha, giữ ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- Đất chợ

Diện tích đất chợ của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1,51 ha, tăng 1,39 ha so với năm 2022, do nhận từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,27 ha; đất chưa sử dụng 1,12 ha chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án sau: Đất chợ trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; đất chợ trong Trung tâm thương mại An Sơn và đất chợ trong khu lấn biển Hòn Ngang.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng**

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,19 ha, tăng 0,15 ha so với năm 2022 do nhận từ đất mặt nước ven biển 0,15 ha chuyển sang để bố trí đất sinh hoạt cộng đồng trong Khu lấn biển An Sơn; và 02 công trình giao đất gồm Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 1; Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2 tại xã Hòn Tre.

*** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3,17 ha, tăng 3,01 ha so với năm 2022, do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,68 ha và đất chưa sử dụng 2,33 ha chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án sau: Đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong Mở rộng lấn biển khu dân cư

Hòn Tre; đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong Khu lấn biển Hòn Ngang; Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã An Sơn; Công viên xã Hòn Tre.

*** Đất ở tại nông thôn**

Diện tích đất ở tại nông thôn của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 86,83 ha, tăng 23,11 ha so với năm 2022.

- Diện tích tăng 23,31 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 4,0 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,18 ha; đất chưa sử dụng 17,83 ha; đất mặt nước ven biển 1,30 ha chuyển sang để bố trí quỹ đất nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân sang đất ở tại nông thôn của các xã (4,0 ha) và để thực hiện các công trình, dự án sau: đất ở nông thôn thuộc dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre; đất ở nông thôn thuộc trung tâm thương mại An Sơn; đất ở trong khu lấn biển Hòn Ngang; đất ở trong khu lấn biển An Sơn; đấu giá thửa TĐ 03-2020 (106-26).

- Diện tích giảm 0,2 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,05 ha; đất giao thông 0,08 ha; đất thủy lợi 0,03 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,04 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 5,02 ha, tăng 0,14 ha so với năm 2022 do nhận từ đất ở tại nông thôn 0,04 ha; đất chưa sử dụng 0,1 ha chuyển sang để bố trí đất xây dựng trụ sở cơ quan trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre; Trụ sở làm việc Huyện ủy Kiên Hải và giao đất Nhà tập thể ủy ban huyện.

- Đất tín ngưỡng

Diện tích đất tín ngưỡng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 2,22 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1,61 ha, giữ ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,96 ha, tăng 0,72 ha so với năm 2022 do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để bố trí đất có mặt nước chuyên dùng trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

c) Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 302,49 ha, chiếm 12,21% trong tổng diện tích tự nhiên, giảm 53,05 ha so với năm 2022 do chuyển sang đất quốc phòng 5,32 ha; đất thương mại dịch vụ 3,58 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,14 ha; đất giao thông 17,22 ha; đất thủy lợi 0,46 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,23 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,22 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,0 ha; đất công trình năng lượng 0,21 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,17 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 1,40 ha; đất chợ 1,12 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,33 ha; đất ở tại nông thôn 17,83 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,72 ha.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất trên, trong năm 2023, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp của huyện là 59,97 ha. Trong đó: đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 43,88 ha, đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp 16,09 ha.

Bảng 21. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	59,97	8,35	11,22	33,20	7,20
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	43,88	8,35	11,22	18,09	6,22
-	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	16,09			15,11	0,98
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp						
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT					

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong năm 2023, tổng diện tích đất cần thu hồi là 19,66 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 18,39 ha, cụ thể thu hồi đất trồng cây lâu năm 11,30 ha; đất rừng phòng hộ 7,09 ha.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 1,27 ha, cụ thể thu hồi đất quốc phòng 1,07 ha; đất thủy lợi 0,02 ha; đất ở tại nông thôn 0,18 ha.

Bảng 22. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
1	Đất nông nghiệp	NNP	18,39	0,73	4,62	12,05	0,99
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN	11,30	0,73	4,62	5,94	0,01
-	Đất rừng phòng hộ	RPH	7,09			6,11	0,98
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,27	0,02		1,12	0,13
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất quốc phòng	CQP	1,07			1,07	
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,02			0,02	
	<i>Trong đó:</i>						
+	Đất giao thông	DGT					
+	Đất thủy lợi	DTL	0,02			0,02	
-	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,18	0,02		0,03	0,13

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 53,05 ha. Cụ thể như sau:

Bảng 23. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023, huyện Kiên Hải

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
1	Đất nông nghiệp	NNP					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	53,05	38,66	5,32	3,67	5,40
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất quốc phòng	CQP	5,32		5,32		
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,58	2,84			0,74
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,14	0,14			
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	23,03	16,94		3,67	2,42
	<i>Trong đó:</i>						
+	Đất giao thông	DGT	17,22	11,98		3,67	1,57
+	Đất thủy lợi	DTL	0,46	0,35			0,11
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,23	1,23			
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,22	0,22			
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1,00	1,00			
+	Đất công trình năng lượng	DNL	0,21	0,21			
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,17	0,17			
+	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,40	1,40			
+	Đất chợ	DCH	1,12	0,38			0,74
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,33	2,16			0,17
-	Đất ở tại nông thôn	ONT	17,83	15,76			2,07
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,10	0,10			
-	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,72	0,72			

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

a) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch;

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất		
1	Trận địa pháo Hòn Tre	CQP	0,59		0,59	CLN	Hòn Tre	
2	Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9	CQP	1,03		1,03	RPH: 0,98 ONT:0,05	Nam Du	- Diện tích và hình thể có sự thay đổi so với quy hoạch - Công văn số 2071/QK-BQLDA ngày 15/9/2022 của Bộ tư lệnh Quận khu 9 v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9 thực hiện trong năm 2023
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã đảo An Sơn (Đường quanh đảo) giai đoạn 2	DGT	10,14	0,05	10,09	RPH: 1,38; CLN: 5,06; CSD: 3,65ha;	An Sơn	
4	Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự	DGT	0,47		0,47	CLN: 0,43; RPH: 0,04	An Sơn	
5	Đường ngang đảo Hòn ngang	DGT	0,03		0,03	ONT	Nam Du	
6	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km)	DGT	2,70		2,70	RPH: 1,63; CQP: 1,07	An Sơn	
7	Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	DGT	0,97	0,02	0,95	CLN: 0,11ha; ONT: 0,03ha; CSD: 0,02ha; DTL: 0,02ha; RPH: 0,77ha;	An Sơn	
8	Lộ giao thông nông thôn ấp I (Đoạn từ Tịnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi chén)	DGT	0,24		0,24	CLN: 0,14; CSD: 0,10	Hòn Tre	

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp)	Cơ sở pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất		
9	Đường nhánh trong Dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	DGT	0,02		0,02	ONT	Nam Du	- Tách từ dự án khu lấn biển Hòn Ngang do có phát sinh 04 hộ thu hồi đất ở diện tích thu hồi là 126,5 m ² - Báo cáo số 20/BC-TTKT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường ngày 25/3/2022 Kết quả đo đạc, kiểm điểm cây trồng, vật kiến trúc và dự toán kinh phí lập phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng và vật kiến trúc dự án Khu lấn biển Bờ Tây Hòn Ngang, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh KG.
10	Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	NTD	2,63		2,63	RPH: 2,29ha; CLN: 0,34ha	An Sơn	
11	Trạm cấp nước Hòn Máu (xã Nam Du)	DTL	0,04		0,04	CLN: 0,01 ONT: 0,03	Nam Du	- Đang trình hồ sơ khảo sát giá đất
12	Cty TNHH Sản xuất giống thủy sản Trung Sơn (Bãi Bắc)	SKC	4,62		4,62	CLN	Lại Sơn	
13	Trụ sở làm việc Huyện ủy Kiên Hải	TSC	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre	- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Kiên Hải về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. - Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện Kiên Hải về việc xin chủ trương cập nhật dự án cần thu hồi đất vào KHSĐĐ năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. - Công văn số 265-CV/VPHU ngày 04/11/2022 của VPHU huyện Kiên Hải truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện Ủy

b) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất		
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy Kiên Hải	TSC	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Kiên Hải về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. - Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện Kiên Hải về việc xin chủ trương cập nhật dự án cần thu hồi đất vào KHSDĐ năm 2023 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. - Công văn số 265-CV/VPFU ngày 04/11/2022 của VPFU huyện Kiên Hải truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện Ủy

c) Các công trình, dự án có sử dụng đất vào mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

=> Tổng danh mục công trình thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 42 công trình, dự án (đính kèm biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2023, ước tính tổng các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch 2023 như sau:

Bảng 24. Dự kiến khoản thu, chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Các khoản thu	678.300	4.725.000	1.094.445.000.000
1	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	233.100	2.250.000	524.475.000.000
2	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ	307.200	1.350.000	414.720.000.000
3	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	138.000	1.125.000	155.250.000.000
II	Các khoản chi	114.800	4.200.000	482.160.000.000
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	113.000	700.000	79.100.000.000
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại nông thôn	1.800	3.500.000	6.300.000.000
III	Cân đối thu chi			612.285.000.000

Dự kiến nguồn thu - chi liên quan đến đất đai trong năm 2023 được tính dựa trên nhu cầu sử dụng đất của địa phương.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường;

Ban hành quy định về quản lý đất đai gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm từng bước nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng đất.

Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trước khi phê duyệt dự án cần bắt buộc thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi các dự án đi vào hoạt động. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường trong cộng đồng địa phương và khách du lịch. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững. Tăng cường đầu tư cho công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, các hệ sinh thái và môi trường du lịch, đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong mối quan hệ với môi trường.

Thành lập đội tình nguyện viên kết hợp thu gom rác cùng với nhân viên thu gom rác của Ban Quản lý hiện tại của các xã, ngoài việc thu gom trên bờ còn thu gom rác tại các bãi biển và trên mặt nước tại các khu vực và các đảo có khách du lịch tham quan.

Bố trí đủ lò đốt rác và thùng rác có nắp đậy tại các xã đảo của huyện. Bên cạnh đó, cần quy hoạch thu gom rác tại những đảo chưa quy hoạch bãi xử lý rác. Mặt khác, cần tiến hành phân loại rác trước khi xử lý.

Về lâu dài cần quy hoạch, xử lý hệ thống xả thải nước của các đơn vị kinh doanh du lịch và nước thải từ sinh hoạt của người dân ra môi trường biển sao cho đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an Môi trường; Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải và các ban ngành có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền truyền nâng cao nhận thức về việc bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp, người dân và du khách; công tác hướng dẫn, kiểm tra, xử lý đối với các cá nhân, tổ chức về việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường nói chung và môi trường du lịch nói riêng một cách nghiêm túc và chặt chẽ, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất đến việc ô nhiễm và các tác động khác đến môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

- Thẩm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vận động nguồn vốn nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Chú trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai cấp huyện, cán bộ địa chính xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất các cấp.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

a) Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã; đồng thời thực hiện tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại các buổi sinh hoạt chuyên đề, buổi họp khu phố để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; chủ động nguồn vốn, nguồn lực sẵn có của địa phương.

b) Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời, cần có những giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi như:

+ Khi thu hồi đất phải đảm bảo quỹ đất để phục vụ tái định cư, tạm cư cho người dân có đất bị thu hồi (khu tái định cư, tạm cư phải được xây dựng phù hợp với tập quán định cư; phải xây dựng nhiều mức nhà, mức đất để người dân có quyền lựa chọn),

+ Hướng dẫn, đào tạo cho nông dân chuyển đổi hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, mang lại thu nhập cao từ nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, hướng nghiệp, nhất là đào tạo nghề tại chỗ; đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân mất đất sản xuất sang các ngành nghề phi nông nghiệp như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Đối với những dự án có tính đặc thù riêng, đang vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường (mà chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có hoặc chưa có quy định cụ thể) thì phải xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, nhằm giảm bớt việc khiếu nại, khiếu kiện của người dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

c) Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

*** Giải pháp chung về tổ chức thực hiện**

- Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn tổ chức công bố công khai và đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quan tâm sớm bố trí vốn để các dự án sớm được thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi chặt chẽ, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, để các dự án sớm được triển khai và đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất; thu hút các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường giao thông, chỉnh trang phát triển đô thị,...

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thực hiện các công trình dự án; cần phối hợp chặt chẽ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện đo đạc, kiểm kê tài sản, cây cối, hoa màu trên đất,... đồng thời, phải ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

*** Trách nhiệm của UBND huyện, các phòng ban, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- *Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường:*

+ Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức và cá nhân trong quá trình quản lý sử dụng đất.

+ Làm tốt công tác cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính chính quy, tạo cơ sở pháp lý và khoa học trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.

+ Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Khi xem xét giải quyết giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư, nhằm đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ và khả thi. Tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng đất của tất cả các cơ quan, đơn vị, đất của các dự án được Nhà nước giao hoặc cho thuê. Kịp thời xử lý kiên quyết, dứt điểm đối với những dự án được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, trái mục đích sử dụng được giao, gây lãng phí đất, tránh tình trạng lấn chiếm, sang nhượng đất trái phép.

+ Tổ chức công bố, công khai và thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Tham mưu cho UBND huyện ra các quyết định về đất đai và hướng dẫn các xã thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo luật định. Không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

+ Cuối năm, có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với Ủy ban nhân dân huyện.

- *Các ban ngành của huyện*: bám sát vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ Phòng Tài chính & Kế hoạch huyện và Chi cục Thuế theo dõi và tổ chức thực hiện các khoản thu từ đất theo quy định của pháp luật.

+ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện triển khai các quy hoạch thuộc phạm vi mình phụ trách.

+ Ban Quản lý dự án Đầu tư & Xây dựng huyện tổ chức xây dựng dự án khả thi và tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình, dự án theo tiến độ của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

+ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện phối hợp với phòng Nội vụ huyện và các phòng, ban có liên quan nghiên cứu tham mưu UBND huyện ban hành các chương trình, chính sách để giải quyết việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện xây dựng các giải pháp cụ thể sử dụng quỹ đất nông nghiệp đạt hiệu quả cao, bền vững, xây dựng các công trình thủy lợi, tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và tôn tạo cảnh quan môi trường.

+ Phòng Giáo dục - Đào tạo, Y Tế, Văn hoá - Thể thao... tổ chức triển khai thực hiện các công trình do ngành mình quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt trong quy hoạch sử dụng đất.

+ Ban chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện triển khai xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã được phê duyệt.

- *Ủy ban nhân dân các xã*: căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

- *Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất*: nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt.

Cụ thể đối với các dự án công trình đăng kí thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Để đảm bảo tiến độ thực hiện các công trình dự án được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2022, 2023 trên địa bàn huyện Kiên Hải. Đối với từng nhóm công trình, dự án cần có những giải pháp thực hiện cụ thể:

- Đối với 13 công trình, dự án thu hồi đất cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2022 có quyết định thu hồi đất đối với Đường ngang đảo Hòn Ngang. Tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác thu hồi, thực hiện tốt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện.

- Đối với 10 công trình, dự án chuyên mục đích UBND huyện thực hiện rà soát, đơn đốc giám sát đầu tư và yêu cầu chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ, cam kết thực hiện để sớm đưa dự án vào sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, cần tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm tạo nguồn thu ngân sách của huyện. Tập trung chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP

- Đối với 16 công trình giao đất, UBND các xã cần phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các tổ chức nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ, trích đo để làm căn cứ hoàn thành thủ tục giao đất.

- Đối với 02 công trình cho thuê đất, địa phương cần hỗ trợ, tạo điều kiện để Công ty Cổ phần Hòn Tre đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Đối với chỉ tiêu chuyên mục đích hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký hướng dẫn, tạo điều kiện để người có nhu cầu thực hiện chuyên mục đích theo đúng Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

4.4. Các giải pháp khác

a) Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Nhằm giảm thiểu rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch (theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải đề xuất các giải pháp như sau:

- Tiếp tục chú trọng công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với đời sống nhân dân, sự phát triển bền vững của đất nước.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; kịp thời xây dựng, kiên toàn, điều chỉnh, bổ sung phương án, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo ứng phó khi có thiên tai xảy ra, Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức phòng chống thiên tai, khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là nguồn tài nguyên nước, đất, hạn chế ô nhiễm môi trường; có giải pháp chủ động phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch 148/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Duy trì và bảo vệ diện tích rừng phòng hộ nhằm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp; sử dụng vật liệu xây dựng không

nung thay thế gạch sản xuất theo công nghệ thủ công hiện nay, khuyến cáo sử dụng các chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ....

Triển khai nghiên cứu các đề tài khoa học và ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cấp huyện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Kiên Hải được xây dựng trên cơ sở: Các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện được phê duyệt tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang chưa thực hiện và chuyển tiếp sang; Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực. Qua những kết quả của báo cáo, có thể rút ra một số kết luận sau:

- Kết quả của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã thể hiện cụ thể, chi tiết các công trình, dự án, diện tích các loại đất cần chuyển mục đích, diện tích đất cần thu hồi.

- Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được xây dựng đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu đất đai để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, đồng thời các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm đã được xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã đúng theo quy định của Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất.

KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của huyện nhất là những công trình cấp thiết được triển khai đầy đủ trong năm 2023, UBND huyện Kiên Hải kiến nghị:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kiên Hải để đưa kế hoạch vào triển khai thực hiện, phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý đất đai tại địa phương.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh quan tâm tạo điều kiện về mọi mặt (về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư,...) cho huyện, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa phương./.